



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 15 + 16

Ngày 31 tháng 07 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

13/07/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 20/2022/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế	2
------------	---	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

29/06/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 87/NQ-HĐND về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia	6
29/06/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 88/NQ-HĐND về phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	21
29/06/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 89/NQ-HĐND về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	156

UBND TỈNH

24/06/2022	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 10/CT-UBND phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025.	159
------------	---	-----

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 213/TTr-SYT ngày 12 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí, chức năng của Sở Y tế**

1. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Sơn La, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về y tế, bao gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số và các dịch vụ công khác thuộc ngành y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Y tế có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế

Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Y tế

1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và không quá 04 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc Sở Y tế là Ủy viên UBND tỉnh do HĐND tỉnh bầu, là người đứng đầu Sở do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên UBND tỉnh theo Quy chế làm việc và phân công của UBND tỉnh và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được giao.

b) Phó Giám đốc Sở Y tế do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Tổ chức cán bộ;

d) Phòng Nghiệp vụ Y - Dược;

e) Phòng Kế hoạch - Tài chính.

3. Các Chi cục thuộc Sở Y tế

- a) Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
- b) Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm;

Các Chi cục có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La.

4. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế

a) Các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La;
- Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La;
- Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Sơn La;
- Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La;
- Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La;
- Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La;
- Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La;
- Bệnh viện Mắt tỉnh Sơn La.

b) Các Trung tâm tuyến tỉnh

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm;
- Trung tâm Pháp y;
- Trung tâm Giám định y khoa.

c) Các bệnh viện đa khoa tuyến huyện

- Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên;
- Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn;
- Bệnh viện đa khoa huyện Mường La;
- Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu;
- Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên;
- Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Nhai;
- Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã;
- Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp;
- Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên, huyện Mộc Châu;
- Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu;
- Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu.

d) Các trung tâm Y tế tuyến huyện

- Trung tâm Y tế huyện Bắc Yên;
- Trung tâm Y tế huyện Mai Sơn;
- Trung tâm Y tế huyện Mường La;
- Trung tâm Y tế huyện Mộc Châu;
- Trung tâm Y tế huyện Phù Yên;
- Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Nhai;
- Trung tâm Y tế huyện Sông Mã;
- Trung tâm Y tế huyện Sốp Cộp;
- Trung tâm Y tế Thành phố Sơn La;
- Trung tâm Y tế huyện Thuận Châu;
- Trung tâm Y tế huyện Yên Châu;
- Trung tâm Y tế huyện Vân Hồ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2022, thay thế Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sơn La.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp (20b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

Số: 87/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương
giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BẢY***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;**Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;**Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;**Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;**Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách*

Căn cứ Tờ trình số 194/TTr-CP ngày 21 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-DT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

I. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia: 4.158.939 triệu đồng.

Trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 3.093.508 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 472.571 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 592.860 triệu đồng.

II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ

Thực hiện phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công; Quyết định của số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La được thông qua tại kỳ họp chuyên đề lần thứ bảy HĐND tỉnh khóa XV.

III. PHƯƠNG AN PHÂN BỐ**1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025: 472.571 triệu đồng phân bổ cho 02 dự án thuộc chương trình, trong đó:

1.1. Dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: 360.521 triệu đồng.

1.2. Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 112.050 triệu đồng, trong đó:

1.2.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 94.356 triệu đồng.

1.2.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: 17.694 triệu đồng.

2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025: 3.093.508 triệu đồng phân bổ cho 08 dự án thuộc chương trình.

Trong đó:

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 274.728 triệu đồng.

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 178.984 triệu đồng.

2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 28.733 triệu đồng.

2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.775.283 triệu đồng.

2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 310.848 triệu đồng.

2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 49.057 triệu đồng.

2.7. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 416.538 triệu đồng.

2.8. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 59.337 triệu đồng.

3. Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025: 592.860 triệu đồng.

(chi tiết tại các Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết:**

1.1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư phát triển bảo đảm phù hợp với các quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH ngày 22 tháng 5 năm 2022, các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định của pháp luật liên quan.

1.2. Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

1.3. Chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện phân bổ vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc cấp huyện quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; tổ chức kiểm tra, kịp thời điều chỉnh, xử lý những huyện, thành phố thực hiện chưa đúng quy định.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ bảy thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, tiểu dự án	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	472.571	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	360.521	
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo)	360.521	
1	Huyện Thuận Châu	185.859	
2	Huyện Sốp Cộp	174.662	
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	112.050	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	94.356	
1.1	Trường Cao đẳng Sơn La	28.717	
1.2	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La	20.512	
1.3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La	20.513	
1.4	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	12.307	
1.5	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật, du lịch Sơn La	12.307	
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	17.694	
2.1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.769	
2.2	Thành Phố	882	
2.3	Mai Sơn	1.819	
2.4	Yên Châu	1.164	
2.5	Mộc Châu	937	
2.6	Vân Hồ	827	
2.7	Phù Yên	1.433	
2.8	Bắc Yên	1.164	
2.9	Thuận Châu	2.425	
2.10	Quỳnh Nhai	851	
2.11	Mường La	1.433	
2.12	Sông Mã	2.094	
2.13	Sốp Cộp	896	

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**
(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	3.093.508	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	274.728	Chi tiết tại Biểu số 2.1
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	178.984	Chi tiết tại Biểu số 2.2
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	28.733	Chi tiết tại Biểu số 2.3
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.775.283	Chi tiết tại Biểu số 2.4
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	310.848	Chi tiết tại Biểu số 2.5
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	49.057	Chi tiết tại Biểu số 2.6
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	416.538	Chi tiết tại Biểu số 2.7
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	59.337	Chi tiết tại Biểu số 2.8

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 1**Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt giai đoạn 2021 - 2025***(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)*

STT	Huyện, thành phố	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	274.728	<i>Danh mục công trình nước sinh hoạt tập trung chi tiết tại Biểu số 2.1.1 kèm theo</i>
1	Bắc Yên	19.666	
2	Mai Sơn	24.820	
3	Mộc Châu	24.073	
4	Mường La	12.740	
5	Phù Yên	25.968	
6	Quỳnh Nhai	13.565	
7	Sông Mã	27.105	
8	Sốp Cộp	11.128	
9	Thuận Châu	20.500	
10	Vân Hồ	30.377	
11	Yên Châu	50.040	
12	Thành phố	14.748	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 2**Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết giai đoạn 2021 - 2025***(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)**DVT: Triệu đồng*

STT	Huyện, thành phố	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	178.984	
1	Huyện Bắc Yên	34.872	
2	Huyện Mường La	21.264	
3	Huyện Phù Yên	15.131	
4	Huyện Quỳnh Nhai	18.206	
5	Huyện Sông Mã	28.532	
6	Huyện Sốp Cộp	30.888	
7	Huyện Vân Hồ	15.281	
8	Huyện Yên Châu	14.810	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 3

**Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng,
thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	28.733	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	28.733	
1	Huyện Vân Hồ	28.733	Thực hiện nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 4**Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc***(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	1.775.283	
I	Cấp tỉnh	323.200	
II	Các huyện	1.452.082	
1	Bắc Yên	139.752	
2	Mai Sơn	119.238	
3	Mộc Châu	60.958	
4	Mường La	135.866	
5	Phù Yên	211.187	
6	Quỳnh Nhai	49.964	
7	Sông Mã	170.944	
8	Sốp Cộp	70.017	
9	Thuận Châu	255.354	
10	Vân Hồ	126.197	
11	Yên Châu	112.605	

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 5**

Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	310.848	
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	310.848	
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	257.382	
II	Các huyện, thành phố	53.466	
1	Huyện Thuận Châu	7.082	
2	Huyện Vân Hồ	5.564	
3	Huyện Mộc Châu	5.564	
4	Huyện Bắc Yên	5.916	
5	Huyện Yên Châu	7.082	
6	Huyện Sốp Cộp	15.175	
7	Huyện Sông Mã	7.082	

Biểu số 2.6**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 6****Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các****dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025***(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	49.057	
I	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	22.562	
II	Cấp huyện	26.495	
1	Mai Sơn	1.136	
2	Mộc Châu	12.869	
3	Mường La	1.136	
4	Phù Yên	1.893	
5	Quỳnh Nhai	1.514	
6	Sông Mã	1.893	
7	Sốp Cộp	1.893	
8	Thuận Châu	1.893	
9	Yên Châu	2.271	

Biểu số 2.7**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 9****Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn***(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	416.538	
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	416.538	
I	Cấp tỉnh	108.300	
II	Các huyện, thành phố	308.238	
1	Huyện Mường La	191.292	
2	Huyện Quỳnh Nhai	34.987	
3	Huyện Thuận Châu	81.959	

Biểu số 2.8**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 10**

Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	59.337	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	59.337	
1	Ban Dân tộc	59.337	

Biểu số 03

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
	Tổng số	592.860	
1	Huyện Bắc Yên	29.082	
2	Huyện Phù Yên	73.081	
3	Huyện Mộc Châu	74.370	
4	Huyện Vân Hồ	29.029	
5	Huyện Yên Châu	30.692	
6	Huyện Mai Sơn	89.769	
7	Huyện Sông Mã	34.233	
8	Huyện Sốp Cộp	17.062	
9	Huyện Thuận Châu	78.339	
10	Huyện Quỳnh Nhai	89.555	
11	Huyện Mường La	30.746	
12	Thành phố Sơn La	16.902	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2022
thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-DT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

I. TỔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022

Tổng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022: 1.524.319 triệu đồng. Trong đó:

1. Vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022: 1.474.136 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư phát triển 1.033.517 triệu đồng; vốn sự nghiệp 440.619 triệu đồng*).

Cụ thể các chương trình như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 231.608 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư phát triển 153.849 triệu đồng, vốn sự nghiệp 77.759 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 919.418 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư phát triển 587.828 triệu đồng, vốn sự nghiệp 331.590 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 323.110 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư phát triển 291.840 triệu đồng, vốn sự nghiệp 31.270 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (vốn sự nghiệp): 50.183 triệu đồng, cụ thể các chương trình như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.333 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 16.580 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 31.270 triệu đồng.

II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ

Thực hiện phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công; Quyết định của số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La được thông qua tại kỳ họp chuyên đề lần thứ bảy - HĐND tỉnh khóa XV.

III. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ

1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Tổng vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện chương trình: 233.941 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 153.849 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 80.092 triệu đồng (*trong đó vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 77.759 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách địa phương 2.333 triệu đồng*).

Cụ thể:

1.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

Tổng vốn phân bổ 127.729 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 124.009 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 3.720 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 3.612 triệu đồng, đối ứng vốn NSDP 108 triệu đồng*).

1.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Vốn sự nghiệp: 23.460 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 22.777 triệu đồng, đối ứng vốn ngân sách địa phương 683 triệu đồng*).

1.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Vốn sự nghiệp: 10.150 triệu đồng phân bổ cho Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (*trong đó ngân sách trung ương 9.854 triệu đồng, đối ứng vốn ngân sách địa phương 296 triệu đồng*).

1.4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

Tổng vốn phân bổ 56.453 triệu đồng cho 03 Tiểu dự án, trong đó:

- Vốn đầu tư: 29.840 triệu đồng phân bổ cho 02 tiểu dự án,

- Vốn sự nghiệp 26.613 triệu đồng phân bổ cho 03 tiểu dự án. Cụ thể:

1.4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Tổng vốn phân bổ 50.332 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 28.307 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 22.025 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 21.384 triệu đồng, đối ứng vốn ngân sách địa phương 642 triệu đồng*).

1.4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Vốn sự nghiệp: 645 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 626 triệu đồng, đối ứng vốn ngân sách địa phương 19 triệu đồng*).

1.4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Tổng vốn phân bổ 5.476 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 1.533 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 3.943 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 3.828 triệu đồng, đối ứng vốn ngân sách địa phương 115 triệu đồng*).

1.5. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tổng vốn sự nghiệp phân bổ 7.715 triệu đồng, cụ thể:

1.5.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Vốn sự nghiệp: 6.863 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 6.663 triệu đồng, đối ứng vốn ngân sách địa phương 200 triệu đồng*).

1.5.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Vốn sự nghiệp: 852 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 827 triệu đồng, đối ứng vốn ngân sách địa phương 25 triệu đồng*).

1.6. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Tổng vốn sự nghiệp phân bổ 8.434 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 8.188 triệu đồng, đối ứng vốn ngân sách địa phương 246 triệu đồng*).

2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tổng vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện chương trình: 935.998 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 587.828 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 348.170 triệu đồng (*trong đó vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 331.590 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách địa phương 16.580 triệu đồng*).

Cụ thể:

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

Tổng kế hoạch vốn: 99.008 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 79.412 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp (*ngân sách trung ương*): 19.596 triệu đồng.

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 32.217 triệu đồng vốn đầu tư phát triển.

2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Tổng kế hoạch vốn: 138.983 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 6.181 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp (*ngân sách trung ương*): 132.802 triệu đồng.

2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tổng kế hoạch vốn: 335.139 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 319.554 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp (*ngân sách trung ương*): 15.585 triệu đồng.

2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tổng kế hoạch vốn: 127.324 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 55.953 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp (*ngân sách trung ương*): 71.371 triệu đồng.

2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Tổng kế hoạch vốn: 14.414 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 8.853 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp (*ngân sách trung ương*): 5.561 triệu đồng.

2.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: 6.466 triệu đồng vốn sự nghiệp (*ngân sách trung ương*).

2.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 15.376 triệu đồng vốn sự nghiệp (*ngân sách trung ương*).

Trong đó:

- Cấp tỉnh: 7.380 triệu đồng.
- Cấp huyện: 7.996 triệu đồng.

2.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Tổng kế hoạch vốn: 131.147 triệu đồng (*trong đó: 74.977 triệu đồng vốn đầu tư phát triển, 56.170 triệu đồng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương*), cụ thể:

- Cấp tỉnh: 18.700 triệu đồng thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn đồng bào dân tộc La Ha (*công trình có tổng mức đầu tư từ 10.000 triệu đồng trở lên; thực hiện phân bổ chi tiết vốn 2022 thực hiện các dự án sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định*).

- Cấp huyện: 56.277 triệu đồng thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn đồng bào dân tộc La Ha (*công trình có tổng mức đầu tư dưới 10.000 triệu đồng*).

2.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Tổng kế hoạch vốn: 19.344 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 10.681 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp (*ngân sách trung ương*): 8.663 triệu đồng.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Tổng vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện chương trình (*đã bao gồm kế hoạch năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022*): 354.380 triệu đồng.

Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 291.840 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 62.540 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương 31.270 triệu đồng, ngân sách địa phương 31.270 triệu đồng*). Cụ thể:

3.1. Vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư phát triển 291.840 triệu đồng, trong đó:

- Vốn năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022: 241.670 triệu đồng.
- Kế hoạch năm 2022: 50.170 triệu đồng.

3.2. Vốn sự nghiệp

Tổng vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 là 62.540 triệu đồng, trong đó nguồn ngân sách trung ương: 31.270 triệu đồng; nguồn đối ứng ngân sách địa phương: 31.270 triệu đồng.

Cụ thể:

- Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 23.901 triệu đồng. Trong đó:
 - + Ngân sách trung ương: 10.790 triệu đồng.
 - + Ngân sách địa phương (*nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh*): 13.111 triệu đồng.
- Số vốn phân cấp cho các huyện, thành phố thực hiện: 38.639 triệu đồng, trong đó:
 - + Ngân sách trung ương: 20.480 triệu đồng.
 - + Ngân sách địa phương: 18.159 triệu đồng.

(chi tiết tại các Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2022 cho các chương trình, dự án thuộc ngân sách cấp tỉnh (vốn đầu tư) khi đảm bảo điều kiện theo quy định Luật Đầu tư công; rà soát danh mục dự án đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia; giao chi tiết dự toán (vốn sự nghiệp) cho các đơn thuộc ngân sách cấp tỉnh đảm bảo điều kiện theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Giao HĐND các huyện, thành phố phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2022 cho các chương trình, dự án, dự toán thuộc ngân sách cấp huyện đã đảm bảo đủ điều kiện theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách và các quy định khác có liên quan; rà soát danh mục dự án đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ bảy thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

**KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA GIẢI NGHÈO GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022					Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết nguồn vốn phân bổ				
			Vốn đầu tư (NSTW)	Vốn sự nghiệp			
				Tổng số	Trong đó		
			Nguồn ngân sách trung ương		Đối ứng ngân sách địa phương		
	Tổng số	233.941	153.849	80.092	77.759	2.333	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	127.729	124.009	3.720	3.612	108	
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo)	127.729	124.009	3.720	3.612	108	
1	Huyện Thuận Châu	65.848	63.930	1.918	1.862	56	
2	Huyện Sốp Cộp	61.882	60.079	1.803	1.750	53	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	23.460		23.460	22.777	683	
1	Thành phố	1.005		1.005	975	29	
2	Mai Sơn	1.965		1.965	1.908	57	
3	Yên Châu	1.632		1.632	1.585	48	
4	Mộc Châu	1.067		1.067	1.036	31	
5	Vân Hồ	1.507		1.507	1.463	44	
6	Phù Yên	2.839		2.839	2.756	83	
7	Bắc Yên	1.845		1.845	1.792	54	
8	Thuận Châu	4.018		4.018	3.901	117	

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022					Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết nguồn vốn phân bổ				
			Vốn đầu tư (NSTW)	Vốn sự nghiệp			
				Tổng số	Trong đó		
		Nguồn ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương				
9	Quỳnh Nhai	1.193		1.193	1.158	35	
10	Mường La	1.845		1.845	1.792	54	
11	Sông Mã	2.271		2.271	2.205	66	
12	Sốp Cộp	2.271		2.271	2.205	66	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	10.150		10.150	9.854	296	
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	10.150		10.150	9.854	296	
1	Thành phố	435		435	422	13	
2	Mai Sơn	850		850	826	25	
3	Yên Châu	706		706	686	21	
4	Mộc Châu	462		462	448	13	
5	Vân Hồ	652		652	633	19	
6	Phù Yên	1.228		1.228	1.192	36	
7	Bắc Yên	798		798	775	23	
8	Thuận Châu	1.738		1.738	1.688	51	
9	Quỳnh Nhai	516		516	501	15	
10	Mường La	798		798	775	23	
11	Sông Mã	983		983	954	29	
12	Sốp Cộp	983		983	954	29	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	56.453	29.840	26.613	25.838	775	
4.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	50.332	28.307	22.025	21.384	642	

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022					Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết nguồn vốn phân bổ				
			Vốn đầu tư (NSTW)	Vốn sự nghiệp			
				Tổng số	Trong đó		
			Nguồn ngân sách trung ương		Đối ứng ngân sách địa phương		
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	4.404		4.404	4.276	128	Vốn đầu tư sẽ phân bổ chi tiết sau khi có Quyết định phê duyệt dự án theo quy định của Luật Đầu tư công
2	Trường Cao đẳng Sơn La	2.681		2.681	2.603	78	
3	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La	1.915		1.915	1.860	56	
4	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La	1.915		1.915	1.860	56	
5	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	1.149		1.149	1.116	33	
6	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật, du lịch Sơn La	1.149		1.149	1.116	33	
7	Thành phố	605		605	587	18	
8	Mai Sơn	753		753	731	22	
9	Yên Châu	673		673	654	20	
10	Mộc Châu	616		616	598	18	
11	Vân Hồ	696		696	676	20	
12	Phù Yên	868		868	842	25	
13	Bắc Yên	708		708	687	21	
14	Thuận Châu	1.009		1.009	980	29	
15	Quỳnh Nhai	639		639	621	19	
16	Mường La	753		753	731	22	
17	Sông Mã	822		822	798	24	
18	Sốp Cộp	667		667	647	19	
4.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	645		645	626	19	
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	116		116	113	3	
2	Thuận Châu	291		291	283	8	

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022					Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết nguồn vốn phân bổ				
			Vốn đầu tư (NSTW)	Vốn sự nghiệp			
				Tổng số	Trong đó		
		Nguồn ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương				
3	Sốp Cộp	237		237	230	7	
4.3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	5.476	1.533	3.943	3.828	115	
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	547	153	394	383	11	
2	Thành phố	273	76	197	191	6	
3	Mai Sơn	563	158	405	393	12	
4	Yên Châu	360	101	259	252	8	
5	Mộc Châu	290	81	209	203	6	
6	Vân Hồ	256	72	184	179	5	
7	Phù Yên	443	124	319	310	9	
8	Bắc Yên	360	101	259	252	8	
9	Thuận Châu	750	210	540	525	16	
10	Quỳnh Nhai	264	74	190	184	6	
11	Mường La	443	124	319	310	9	
12	Sông Mã	648	181	467	453	14	
13	Sốp Cộp	278	78	200	194	6	
5	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo thông tin	7.715		7.715	7.490	225	
5.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	6.863		6.863	6.663	200	
1	Sở Thông tin và Truyền thông	2.059		2.059	1.999	60	
2	Thành phố	215		215	209	6	
3	Mai Sơn	420		420	408	12	
4	Yên Châu	349		349	339	10	
5	Mộc Châu	228		228	222	7	
6	Vân Hồ	322		322	313	9	

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022					Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết nguồn vốn phân bổ				
			Vốn đầu tư (NSTW)	Vốn sự nghiệp			
				Tổng số	Trong đó		
					Nguồn ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương	
7	Phù Yên	607		607	589	18	
8	Bắc Yên	395		395	383	11	
9	Thuận Châu	792		792	769	23	
10	Quỳnh Nhai	255		255	248	7	
11	Mường La	395		395	383	11	
12	Sông Mã	486		486	472	14	
13	Sốp Cộp	340		340	330	10	
5.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	852		852	827	25	
1	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	298		298	289	9	
2	Thành phố	25		25	24	1	
3	Mai Sơn	48		48	47	1	
4	Yên Châu	40		40	39	1	
5	Mộc Châu	27		27	26	1	
6	Vân Hồ	37		37	36	1	
7	Phù Yên	70		70	68	2	
8	Bắc Yên	45		45	44	1	
9	Thuận Châu	92		92	89	3	
10	Quỳnh Nhai	30		30	29	1	
11	Mường La	45		45	44	1	
12	Sông Mã	56		56	54	2	
13	Sốp Cộp	39		39	38	1	
6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	8.434		8.434	8.188	246	

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022					Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết nguồn vốn phân bổ				
			Vốn đầu tư (NSTW)	Vốn sự nghiệp			
				Tổng số	Trong đó		
					Nguồn ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương	
1	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2.108		2.108	2.047	61	
2	Thành phố	283		283	275	8	
3	Mai Sơn	553		553	537	16	
4	Yên Châu	459		459	446	13	
5	Mộc Châu	301		301	292	9	
6	Vân Hồ	424		424	412	12	
7	Phù Yên	799		799	776	23	
8	Bắc Yên	519		519	504	15	
9	Thuận Châu	1.043		1.043	1.013	30	
10	Quỳnh Nhai	336		336	326	10	
11	Mường La	519		519	504	15	
12	Sông Mã	640		640	621	19	
13	Sốp Cộp	448		448	435	13	

Biểu số 01.1**BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Địa điểm	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022	Ghi chú
	Tổng số		153.849	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		124.009	
	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo <i>(hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo)</i>		124.009	
1	Huyện Thuận Châu		63.930	
1.1	Đường vào bản Bay, bản Bon, xã Tông Cọ	Xã Tông Cọ		
1.2	Đường giao thông bản Ngà Phát, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		
1.3	Đường giao thông bản Trọ Pháng, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		
1.4	NLH Trường TH Chiềng Pha, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		
1.5	NSH bản Song, xã Chiềng La	Xã Chiềng La		
1.6	Đường vào bản Pú Chứn, xã Long Hẹ	Xã Long Hẹ		
1.7	Đường vào bản Tinh Lá, xã Pá Lông	Xã Pá Lông		
1.8	Đường tỉnh 116B vào bản Nhóc, Thông, Ổ, Lạn, xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng		
1.9	Đường vào bản Lọng Cu, xã Bó Mười	Xã Bó Mười		
1.10	Dự án điện an toàn trên địa bàn huyện Thuận Châu giai đoạn 2021 - 2025	Huyện Thuận Châu		
2	Huyện Sốp Cộp		60.079	
2.1	Nâng cấp tuyến đường từ xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp đến xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã	Xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp đến xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã		
2.2	Đường giao thông từ bản Nà Ấn đi bản Huổi Pá, xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn		
2.3	Nhà văn hóa xã Púng Bính	Xã Púng Bính		

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Địa điểm	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022	Ghi chú
2.4	Nhà văn hóa bản Lầu, xã Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.5	Nhà văn hóa bản Khá Nghịu, xã Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.6	Cầu qua suối bản Phải xã Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.7	Nước sinh hoạt bản Liên Ban, xã Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.8	Nhà văn hóa bản Hốc Một, xã Mường Và	Xã Mường Và		
2.9	Nhà văn hóa xã Mường Và	Xã Mường Và		
2.10	Công trình nước sạch bản Nà Cang, xã Mường Và	Xã Mường Và		
2.11	Nâng cấp tuyến đường từ cầu cứng đi bản Huổi Niếng, xã Mường Và	Xã Mường Và		
2.12	Trường PTDT bán trú TH và THCS Sam Kha (điểm trường trung tâm)	Xã Sam Kha		
2.13	Đường giao thông từ bản Cang Kéo đi bản Pá Vai, xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh		
2.14	Các hạng mục phụ trợ của trụ sở UBND xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh		
2.15	Đường giao thông từ bản Lạnh Bính đi bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh		
2.16	Nhà văn hóa xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo		
2.17	Trường PTDT bán trú TH và THCS Mường Lèo (điểm trường trung tâm)	Xã Mường Lèo		
2.18	Trường PTDT bán trú TH Mường Lạn (giai đoạn 1)	Xã Mường Lạn		
2.19	Nhà văn hóa bản Púng, xã Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.20	Nhà văn hóa bản Phá Thóng, xã Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.21	Nhà văn hóa bản Huổi Cốp, xã Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.22	Nhà văn hóa bản Púng Cườm, xã Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.23	Trường Mầm non Hoa Đào Púng Bính	Xã Púng Bính		
2.24	Đường giao thông từ bản Púng Báng đến bản Sam Kha	Xã Púng Bính, xã Sam Kha		
2.25	Cầu qua suối bản Cang, xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh		
2.26	Nước sinh hoạt bản Nậm Khún, xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo		
2.27	Trường THCS Púng Bính, xã Púng Bính	Xã Púng Bính		

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Địa điểm	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022	Ghi chú
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		29.840	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		28.307	
1.1	Trường Cao đẳng Sơn La			
-	Xây mới nhà thực hành nông - lâm nghiệp; nhà trại chăn nuôi			
-	Cải tạo sửa chữa một số phòng thực hành, nhà tập thể dục thể thao			
-	Trang thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm, giảng dạy đào tạo các ngành nghề			
1.2	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La			
	Đầu tư xây dựng phòng học, phòng thực tập, thực hành và văn phòng khoa/bộ môn			
1.3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La			
-	Xây mới nhà đa năng			
-	Mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo nghề			
1.4	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc			
-	Dự án Xây dựng sân bóng			
-	Hạng mục phụ trợ Khu Hiệu bộ			
-	Xây dựng Khu Giáo dục Thể chất			
1.5	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật, du lịch Sơn La			
-	Xây dựng nhà ký túc xá 2 tầng			
-	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo			
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		1.533	
2.1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		153	
-	Sàn giao dịch việc làm			
2.2	Thành phố		76	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Địa điểm	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022	Ghi chú
2.3	Mai Sơn		158	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.4	Yên Châu		101	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.5	Mộc Châu		81	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.6	Vân Hồ		72	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.7	Phù Yên		124	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.8	Bắc Yên		101	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.9	Thuận Châu		210	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.10	Quỳnh Nhai		74	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.11	Mường La		124	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Địa điểm	Kế hoạch phân bổ vốn năm 2022	Ghi chú
2.12	Sông Mã		181	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			
2.13	Sốp Cộp		78	
-	Mua trang thiết bị (máy tính, tủ tài liệu, công cụ, dụng cụ...) để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động			

Ghi chú: Phân bổ chi tiết đến từng dự án sau khi có Quyết định phê duyệt dự án theo quy định của Luật Đầu tư công

Biểu số 01.2

BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỐI ƯỠNG
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục	Chia ra các Dự án, tiểu dự án		Sự nghiệp văn hóa thông tin	Chia ra các Dự án, tiểu dự án			Sự nghiệp kinh tế	Chia ra các Dự án, tiểu dự án						Ghi chú
				Dự án 4 - Tiểu Dự án 1	Dự án 7		Dự án 6	Trong đó			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3 - Tiểu dự án 1	Dự án 4	Trong đó		
								Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2						Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3	
	Tổng cộng	80.092	30.459	22.025	8.434	7.715	7.715	6.863	852	41.918	3.720	23.460	10.150	4.588	645	3.943	
A	Phân bổ nguồn ngân sách trung ương	77.759	29.572	21.384	8.188	7.490	7.490	6.663	827	40.697	3.612	22.777	9.854	4.454	626	3.828	
I	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	17.661	14.877	12.830	2.047	2.288	2.288	1.999	289	496	-	0	-	496	113	383	
1	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	7.108	6.323	4.276	2.047	289	289		289	496				496	113	383	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	1.999	-			1.999	1.999	1.999		-				-			
3	Trường Cao Đẳng Sơn La	2.603	2.603	2.603		-	-	-		-				-			
4	Trường Cao Đẳng Y tế	1.860	1.860	1.860		-	-	-		-				-			
5	Trường Cao Đẳng Kỹ thuật công nghệ	1.860	1.860	1.860		-	-	-		-				-			
6	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	1.116	1.116	1.116		-	-	-		-				-			
7	Trường trung cấp Văn hóa nghệ thuật, du lịch	1.116	1.116	1.116		-	-			-				-			
II	Huyện, thành phố	60.098	14.695	8.554	6.141	5.202	5.202	4.664	538	40.201	3.612	22.777	9.854	3.958	513	3.445	
1	Thành phố	2.683	862	587	275	233	233	209	24	1.588		975	422	191		191	
2	Mai Sơn	4.851	1.268	731	537	455	455	408	47	3.127		1.908	826	393		393	
3	Yên Châu	4.000	1.100	654	446	378	378	339	39	2.522		1.585	686	252		252	

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục	Chia ra các Dự án, tiểu dự án		Sự nghiệp văn hóa thông tin	Chia ra các Dự án, tiểu dự án			Sự nghiệp kinh tế	Chia ra các Dự án, tiểu dự án						Ghi chú
				Dự án 4 - Tiểu Dự án 1	Dự án 7		Dự án 6	Dự án 1	Dự án 2		Dự án 3	Dự án 2	Dự án 3 - Tiểu dự án 1	Dự án 4	Trong đó		
															Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	
4	Mộc Châu	2.825	890	598	292	248	248	222	26	1.687	1.036	448	203			203	
5	Vân Hồ	3.712	1.088	676	412	349	349	313	36	2.275	1.463	633	179			179	
6	Phù Yên	6.535	1.618	842	776	657	657	589	68	4.259	2.756	1.192	310			310	
7	Bắc Yên	4.437	1.191	687	504	427	427	383	44	2.819	1.792	775	252			252	
8	Thuận Châu	11.109	1.993	980	1.013	858	858	769	89	8.259	3.901	1.688	808	283		525	
9	Quỳnh Nhai	3.067	947	621	326	277	277	248	29	1.843	1.158	501	184			184	
10	Mường La	4.539	1.235	731	504	427	427	383	44	2.877	1.792	775	310			310	
11	Sông Mã	5.557	1.419	798	621	526	526	472	54	3.612	2.205	954	453			453	
12	Sốp Cộp	6.783	1.082	647	435	368	368	330	38	5.333	2.205	954	424	230		194	
B	Đối ứng ngân sách địa phương	2.333	887	642	246	225	225	200	25	1.221	683	296	134	19	115	115	Đặc cấp
I	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (Ngân sách cấp tỉnh 3%)	530	446	385	61	69	69	60	9	15	-	-	15	3	11	11	Ngân sách địa phương hiện tại
1	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	213	190	128	61	9	9	-	8,67	15	-	-	15	3	11	11	Đối ứng 3% trên tổng vốn
2	Sở Thông tin và Truyền thông	60	-	-	-	60	60	60	-	-	-	-	-	-	-	-	Ngân sách địa phương hiện tại
3	Trường Cao Đẳng Sơn La	78	78	78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đối ứng 3% trên tổng vốn
4	Trường Cao Đẳng Y tế	56	56	56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ngân sách địa phương hiện tại
5	Trường Cao Đẳng Kỹ thuật công nghệ	56	56	56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đối ứng 3% trên tổng vốn
6	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	33	33	33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Chương trình năm 2022
7	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật, du lịch	33	33	33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

CÔNG BẢO SƠN LA/Số 15

Chương trình năm 2022

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục	Chia ra các Dự án, tiểu dự án		Sự nghiệp văn hóa thông tin	Chia ra các Dự án, tiểu dự án			Sự nghiệp kinh tế	Chia ra các Dự án, tiểu dự án					Ghi chú	
				Dự án, tiểu dự án			Dự án 6	Trong đó			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3 - Tiểu dự án 1	Dự án 4	Trong đó		
				Dự án 4 - Tiểu Dự án 1	Dự án 7			Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2						Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 3
II	Huyện, thành phố (Ngân sách cấp huyện 3 %)	1.803	441	257	184	156	156	140	16	1.206	108	683	296	119	15	103	
1	Thành phố	80	26	18	8	7	7	6	1	48	-	29	13	6	-	6	
2	Mai Sơn	146	38	22	16	14	14	12	1	94	-	57	25	12	-	12	
3	Yên Châu	120	33	20	13	11	11	10	1	76	-	48	21	8	-	8	
4	Mộc Châu	85	27	18	9	7	7	7	1	51	-	31	13	6	-	6	
5	Vân Hồ	111	33	20	12	10	10	9	1	68	-	44	19	5	-	5	
6	Phù Yên	196	49	25	23	20	20	18	2	128	-	83	36	9	-	9	
7	Bắc Yên	133	36	21	15	13	13	11	1	85	-	54	23	8	-	8	
8	Thuận Châu	333	60	29	30	26	26	23	3	248	56	117	51	24	8	16	
9	Quỳnh Nhai	92	28	19	10	8	8	7	1	55	-	35	15	6	-	6	
10	Mường La	136	37	22	15	13	13	11	1	86	-	54	23	9	-	9	
11	Sông Mã	167	43	24	19	16	16	14	2	108	-	66	29	14	-	14	
12	Sốp Cộp	203	32	19	13	11	11	10	1	160	53	66	29	13	7	6	

Biểu số 02

**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung dự án và tiểu dự án	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Vốn ĐTP (NSTW)	Vốn SN (NSTW)	Vốn SN (NSDP)	
	Tổng số	935.998	587.828	331.590	16.580	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	919.418	587.828	331.590		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	99.008	79.412	19.596		
1.1	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở	12.520	12.520			
1.2	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở	25.080	25.080			
-	Chưa phân bổ 33 hộ hỗ trợ nhà ở (huyện Quỳnh Nhai không thực hiện)	1.320	1.320			
1.3	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề, trong đó:	20.683	5.333	15.350		
1.3.1	Hỗ trợ đất sản xuất	5.333	5.333			
1.3.2	Chuyển đổi nghề	15.350		15.350		
1.4	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt, trong đó:	39.405	35.159	4.246		
1.4.1	Hỗ trợ NSH phân tán	4.246		4.246		
1.4.2	Đầu tư công trình NSH tập trung	35.159	35.159			
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	32.217	32.217	-		
2.1	Nội dung 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	32.217	32.217			
2.2	Nội dung 2: Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình	0				
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	138.983	6.181	132.802		
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	88.354	0	88.354		

STT	Nội dung dự án và tiểu dự án	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Vốn ĐTPT (NSTW)	Vốn SN (NSTW)	Vốn SN (NSDP)	
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	50.629	6.181	44.448		
3.2.1	Nội dung: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý (trên địa bàn huyện Vân Hồ)	8.986	6.181	2.805		
3.3.2	Nội dung: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	41.643	0	41.643		
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	335.139	319.554	15.585		
4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	335.139	319.554	15.585		
4.1.1	Nội dung 1: Đầu tư CSHT trên địa bàn xã, bản ĐBKK	224.394	224.394	-		
a	Đầu tư CSHT trên địa bàn xã ĐBKK	201.673	201.673			
-	Đầu tư công trình điện, điện không an toàn	-				
-	Đầu tư CSHT khác	201.673	201.673			
b	Đầu tư CSHT trên địa bàn bản ĐBKK	22.721	22.721			
4.1.2	Nội dung 2: Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa	87.040	87.040			
4.1.3	Nội dung 3: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	5.120	5.120			
4.1.4	Nội dung 4: Duy tu bảo dưỡng các công trình	15.585		15.585		
4.1.5	Nội dung 5: Công trình trạm Y tế		3.000			
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	127.324	55.953	71.371		

STT	Nội dung dự án và tiểu dự án	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Vốn ĐTPT (NSTW)	Vốn SN (NSTW)	Vốn SN (NSDP)	
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	73.968	55.953	18.015		
5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	7.760		7.760		
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	36.413		36.413		
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	9.183		9.183		
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	14.414	8.853	5.561		
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	6.466	0	6.466		
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	15.376	0	15.376		
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	131.147	74.977	56.170		
9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	128.126	74.977	53.149		
9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	3.021		3.021		

STT	Nội dung dự án và tiểu dự án	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Vốn ĐTPT (NSTW)	Vốn SN (NSTW)	Vốn SN (NSDP)	
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	19.344	10.681	8.663		
10.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào	5.232	0	5.232		
10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	12.159	10.681	1.478		
10.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	1.953		1.953		
II	Đối ứng ngân sách địa phương	16.580			16.580	

Biểu số 02.1**KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 1****Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt***(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022		
		Tổng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
	Tổng số	99.008	79.412	19.596
	Cấp huyện	99.008	79.412	19.596
1	Huyện Bắc Yên	6.889	5.333	1.557
2	Huyện Mai Sơn	8.273	5.695	2.578
3	Huyện Mộc Châu	7.112	5.437	1.676
4	Huyện Mường La	6.309	4.333	1.976
5	Huyện Phù Yên	8.392	5.565	2.827
6	Huyện Quỳnh Nhai	3.854	3.135	719
7	Huyện Sông Mã	13.150	10.820	2.330
8	Huyện Sốp Cộp	3.167	3.036	132
9	Huyện Thuận Châu	11.285	9.515	1.770
10	Huyện Vân Hồ	8.535	7.065	1.470
11	Huyện Yên Châu	16.814	14.262	2.552
12	Thành phố Sơn La	3.907	3.898	9
13	Chưa phân bổ 33 hộ hỗ trợ nhà ở	1.320	1.320	

Biểu số 02.1.1

DỰ ÁN 1: DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	Tổng số		35.159	
I	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Bắc Yên	7	2.460	
-	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Suối Lẹ	Bản Suối Lẹ, xã Chim Vàn		
-	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Vàn	Bản Vàn, xã Chim Vàn		
-	Nâng cấp sửa chữa nước sinh hoạt bản Nậm Lộng	Bản Nậm Lộng, xã Hang Chú		
-	Làm mới nước sinh hoạt bản Chanh	Bản Chanh, xã Song Pe		
-	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Păng Khúa	Bản Păng Khúa, xã Làng Chếu		
-	Nâng cấp sửa chữa nước sinh hoạt bản Mới	Bản Mới, thị trấn Bắc Yên		
	Nâng cấp đập đầu mối nước sạch bản Co Muồng	Bản Co Muồng, xã Chiềng Sại		
II	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Mai Sơn	7	4.094	
-	Công trình nâng cấp, sửa chữa nước công trình sinh hoạt bản Nong Tàu Thái, Phiêng Cầm (trung tâm UBND xã)	Bản Nong Tàu Thái, xã Phiêng Cầm		
-	Công trình nước sinh hoạt bản Yên Bình, xã Chiềng Chăn	Bản Yên Bình, xã Chiềng Chăn		
-	Công trình NSH liên bản xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai		
-	Công trình nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Păng Săng, xã Chiềng Kheo	Bản Păng Săng, Chiềng Kheo		
-	Công trình nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Lụng Cuông, xã Nà Ót	Bản Lụng Cuông, xã Nà Ót		
-	Công trình nước sinh hoạt bản Nà Khoang, Chiềng Dong	Bản Nà Khoang, xã Chiềng Dong		
III	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Mộc Châu	9	3.539	
-	NSH bản Tòng, xã Chiềng Khừa	Xã Chiềng Khừa		
-	NSH bản Pu Nhan, xã Lóng Sập	Xã Lóng Sập		
-	NSH bản Hong Húa, xã Lóng Sập	Xã Lóng Sập		
-	NSH bản Co Liu, xã Chiềng Hắc	Xã Chiềng Hắc		
-	NSH bản Bến Trai, xã Quy Hương	Xã Quy Hương		
-	NSH bản Suối Ba, xã Hua Păng	Hua Păng		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Sửa chữa, nâng cấp công trình NSH bản Nà giảng 2 (khu Bó giảng), xã Quy Hướng	Xã Quy Hướng		
-	Cấp nước sinh hoạt bản Pha Đón, xã Lóng Sập	Xã Lóng Sập		
-	Nâng cấp, sửa chữa NSH bản Suối Sáy, xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp		
IV	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Mường La	5	2.893	
-	Cấp nước sinh hoạt Pú Khôm bản Ái Ngựa, xã Hua Trai	Bản Ái Ngựa, xã Hua Trai		
-	Cấp nước sinh hoạt bản Lướt	Bản Lướt, xã Ngọc Chiến		
-	Cấp nước sinh hoạt Bản Đen Đin xã Nậm Giôn	Bản Đen Đin xã Nậm Giôn		
-	Nâng cấp sửa chữa nước sinh hoạt bản Nong Hoi Dưới	Bản Nong Hoi Dưới, xã Chiềng Ân		
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Cát Linh	Bản Cát Linh, xã Chiềng Muôn		
V	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Phù Yên	4	2.650	
-	Công trình NSH tập trung bản Đồng Mã, Tân Phong	Bản Đồng Mã, xã Tân Phong (từ bản Bông đến bản Đồng Mã dài 3km)		
-	Công trình NSH tập trung bản Cửa Lao, Mường Bang	Bản Cửa Lao, xã Mường Bang		
-	Công trình NSH tập trung bản Suối Thịnh, xã Suối Bau	Bản Suối Thịnh, xã Suối Bau		
-	Công trình nước sinh hoạt bản Bãi Vàng xã Đá Đỏ	Bản Bãi Vàng, xã Đá Đỏ		
VI	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai	10	3.135	
-	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt điểm ĐCĐC Phiêng Bó	Bản Phiêng Bó xã Nậm Ét		
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Nong xã Nậm Ét	Bản Nong xã Nậm Ét		
-	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Lạn xã Nậm Ét	Bản Lạn xã Nậm Ét		
-	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt + thủy lợi điểm ĐCĐC Phiêng Luông	Bản Phiêng Luông, xã Chiềng Khay		
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Có Nàng + Táng Luông xã Chiềng Khay	Bản Có Nàng + Táng Luông, xã Chiềng Khay		
-	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Huổi Tăm, xã Mường Sại	Xã Mường Sại		
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Huổi Tôm xã Mường Sại	Bản Huổi Tôm, xã Mường Sại		
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Pá Báng xã Mường Sại	Bản Pá Báng, xã Mường Sại		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Nước sinh hoạt bản Phát xã Cà Nàng	Bản Phát, xã Cà Nàng		
-	Sửa chữa nước sinh hoạt Pho Pha (điểm Huổi Pha) xã Cà Nàng	Bản Huổi Pha, xã Cà Nàng		
VII	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Sông Mã	4	1.923	
-	Công trình nước sinh hoạt bản Huổi Han, xã Chiềng En	Bản Huổi Han, xã Chiềng En		
-	Công trình nước sinh hoạt bản Co Tòng, xã Chiềng En	Bản Co Tòng, xã Chiềng En		
-	Công trình nước sinh hoạt bản Nà Bó, xã Chiềng En	Bản Nà Bó, xã Chiềng En		
-	Công trình nước sinh hoạt bản Huổi Tính, xã Bó Sinh	Bản Huổi Tính, xã Bó Sinh		
VIII	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Sốp Cộp	6	2.688	
-	Nước sinh hoạt tập trung bản Pá Khoang, xã Mường Và	Bản Pá Khoang, xã Mường Và		
-	Nước sinh hoạt tập trung bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh	Bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh		
-	Nước sinh hoạt tập trung bản Huổi Sang, xã Sam Kha	Bản Huổi Sang, xã Sam Kha		
-	Nước sinh hoạt tập trung bản Lọng Phát, xã Dôm Cang	Bản Lọng Phát, xã Dôm Cang		
-	Nước sinh hoạt tập trung bản Nà Khi, xã Mường Lạn	Bản Nà Khi, xã Mường Lạn		
-	Nước sinh hoạt tập trung bản Chăm Hỳ, xã Mường Lèo	Bản Chăm Hỳ, xã Mường Lèo		
IX	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Thuận Châu	5	2.074	
-	Sửa chữa nước sinh hoạt Bản Buồng, xã Bản Lầm	Xã Bản Lầm		
-	Nước sinh hoạt bản Phặng, xã Bon Phặng	Xã Bon Phặng		
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Mỏ, Ten Ké, Ten Muông, xã Chiềng Bôm	Xã Chiềng Bôm		
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Heo Trại, bản Trọ Phàng, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		
-	Nước sinh hoạt bản Sai, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		
X	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Vân Hồ	6	3.588	
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Lấn	Xã Liên Hòa		
-	Công trình NSH tập trung bản Khả nhài	Xã Mường Men		
-	Công trình NSH tập trung bản Chiềng Lè	Xã Chiềng Khoa (bản Khó khăn xã vùng I)		
-	Công trình NSH tập trung bản Niên	Xã Chiềng Yên		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình nước sinh hoạt bản Pa Cốp	Xã Vân Hồ		
-	Nâng cấp sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Lóng Luông, Pa Kha, Săn Cài	Xã Lóng Luông		
XI	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn huyện Yên Châu	4	2.662	
-	Công trình NSH tập trung bản Bất Đông, xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu	Bản Bất Đông, Xã Sấp Vạt		
-	Công trình NSH tập trung bản Na Pa, xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu	Bản Na Pa, xã Sấp Vạt		
-	Công trình NSH tập trung bản Khóng, xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu	Bản Khóng, xã Sấp Vạt		
-	Công trình NSH tập trung bản Lao Khô 1, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Bản Lao Khô 1, xã Phiêng Khoài		
XII	Dự án đầu tư NSH tập trung trên địa bàn thành phố		3.453	
1	Công trình cấp nước bản Tam	Xã Chiềng Đen		
2	Công trình cấp nước bản Hoàng Văn Thụ	Xã Hua La		
3	Dự án nước sinh hoạt bản Nà Lo	Xã Chiềng Ngần		
4	Công trình nước sinh hoạt bản Hịa, xã Hua La	Xã Hua La		
5	Nước sinh hoạt bản Co Phung	Xã Hua La		

Biểu số 02.2**KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 2****Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết***(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Huyện, thành phố	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	Tổng số	32.217	-
1	Huyện Bắc Yên	6.276	
2	Huyện Mường La	3.830	
3	Huyện Phù Yên	2.715	
4	Huyện Quỳnh Nhai	3.280	
5	Huyện Sông Mã	5.140	
6	Huyện Sốp Cộp	5.560	
7	Huyện Vân Hồ	2.750	
8	Huyện Yên Châu	2.666	

Biểu số 2.2.1

DANH MỤC CHI TIẾT DỰ ÁN 2**Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết năm 2022***(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Địa điểm	Loại DA/PA (ĐCĐC, DCTD, BG, ĐBK)	Số hộ được sắp xếp ổn định (hộ)	Kế hoạch vốn năm 2022
	Tổng cộng			1787	32.217
I	Huyện Bắc Yên			125	6.276
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Co Xe, bản Tà Lũ	Xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên	ĐCĐC	36	
2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Pua Lương, bản Tà Đò Mường	Xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên	ĐCĐC	42	
3	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Suối Tào, bản Tăng	Xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	ĐCĐC	47	
II	Huyện Mường La			60	3.830
1	Bố trí ổn định dân cư vùng lũ thiên tai lũ ống lũ quét bản Ít	Xã Nậm Păm, huyện Mường La	ĐCĐC	33	
2	Bố trí sắp xếp, ổn định dân cư tại điểm TĐC Pá Hát	Xã Pi Tong, huyện Mường La	ĐCĐC	27	
III	Huyện Phù Yên			50	2.715
1	Dự án ĐCĐC bản Suối Thịnh	Xã Suối Bau, huyện Phù Yên	ĐCĐC	20	
2	Dự án ĐCĐC bản Khoai Lang	Xã Mường Thái, huyện Phù Yên	ĐCĐC	30	
IV	Huyện Quỳnh Nhai			128	3.280
1	Dự án định canh định cư Phiêng Bó	Xã Nậm É, huyện Quỳnh Nhai	ĐCĐC	49	
2	Dự án định canh định cư Phiêng Luông	Xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai	ĐCĐC	79	
V	Huyện Sông Mã			176	5.140
1	Dự án Định canh định cư Co Dâu	Xã Nậm Ty, huyện Sông Mã	ĐCĐC	126	

STT	Nội dung	Địa điểm	Loại DA/PA (ĐCĐC, DCTD, BG, ĐBK)	Số hộ được sắp xếp ổn định (hộ)	Kế hoạch vốn năm 2022
2	Dự án định canh định cư bản Nong Pha	Xã Mường Sai, huyện Sông Mã	BG	50	
VI	Huyện Sốp Cộp			111	5.560
1	Dự án bố trí sắp xếp dân cư tập trung (tại chỗ) bản Nậm Pùn	Xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	BG	30	
2	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pu Hao	Xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	BG	81	
VII	Huyện Vân Hồ			218	2.750
1	Dự án ĐCĐC bản A Lang	Xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ	DCTD	162	
2	Dự án định canh định cư Pa Cốp	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	ĐCĐC	56	
VIII	Huyện Yên Châu			88	2.666
1	Dự án Định canh định cư bản Nậm Bó	Xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	BG	55	
2	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Tô Buông	Xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	BG	33	

Biểu số 2.3

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 3

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tiểu dự án 1 Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		Tiểu dự án 2 Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư					Tiểu dự án 2 Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư					Kế hoạch vốn năm 2022		CỘNG BÁC SƠN LA/Số 15	
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Nội dung 1 Hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý				Nội dung 2 Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư							Tổng
			ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Tổng số	ĐTPT	Vốn sự nghiệp						
	Tổng	88.354	-	88.354	50.629	8.986	6.181	2.805	41.643	-	41.643	6.181	132.802	132.802			
I	Cấp tỉnh	11.486	-	11.486	14.575	0	0	0	14.575	0	14.575	-	26.061	26.061			
1	Sở Nông nghiệp & PTNT	11.486		11.486	5.000	0			5.000		5.000	-	16.486	16.486			
2	Liên minh Hợp tác xã VN tỉnh	-			2.080	-			2.080		2.080	-	2.080	2.080			
3	Hội Nông dân tỉnh	-			3.331	-			3.331		3.331	-	3.331	3.331			
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-			4.164	-			4.164		4.164	-	4.164	4.164			
II	Các huyện, thành phố	76.868	0	76.868	36.054	8.986	6.181	2.805	27.068	-	27.068	6.181	112.922	106.741			

STT	Đơn vị	Tiểu dự án 1 Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		Tiểu dự án 2 Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư						Kế hoạch vốn năm 2022		
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Nội dung 1 Hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý		Nội dung 2 Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		Tổng	Trong đó	
			ĐTPT	Vốn sự nghiệp		ĐTPT	Vốn sự nghiệp	ĐTPT	Vốn sự nghiệp			
1	Huyện Bắc Yên	10.557		10.557	2.622	-	2.622	2.622	2.622	13.178	-	13.178
2	Huyện Mai Sơn	6.480		6.480	2.238	-	2.238	2.238	2.238	8.718	-	8.718
3	Huyện Mộc Châu	2.101		2.101	1.252	-	1.252	1.252	1.252	3.353	-	3.353
4	Huyện Mường La	3.265		3.265	2.635	-	2.635	2.635	2.635	5.900	-	5.900
5	Huyện Phù Yên	5.192		5.192	3.543	-	3.543	3.543	3.543	8.736	-	8.736
6	Huyện Quỳnh Nhai	3.329		3.329	956	-	956	956	956	4.285	-	4.285
7	Huyện Sông Mã	14.620		14.620	3.197	-	3.197	3.197	3.197	17.817	-	17.817
8	Huyện Sốp Cộp	11.898		11.898	1.389	-	1.389	1.389	1.389	13.287	-	13.287
9	Huyện Thuận Châu	10.237		10.237	4.936	-	4.936	4.936	4.936	15.173	-	15.173
10	Huyện Vân Hồ	5.969		5.969	11.310	8.986	6.181	2.805	2.324	17.279	6.181	11.098
11	Huyện Yên Châu	3.219		3.219	1.976	-	1.976	1.976	1.976	5.195	-	5.195

Biểu số 2.4

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 4

Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
	Tổng cộng	335.139	319.554	15.585	
I	Cấp tỉnh	87.040	87.040		Có danh mục dự án đầu tư tại Biểu số 2.4.1 kèm theo
II	Các huyện, thành phố	248.099	232.514	15.585	Có danh mục chi tiết tại Biểu số 2.4.3; 2.4.4; 2.4.5 kèm theo
1	Huyện Bắc Yên			1.322	
2	Huyện Mai Sơn			1.238	
3	Huyện Mộc Châu			765	
4	Huyện Mường La			1.340	
5	Huyện Phù Yên			2.277	
6	Huyện Quỳnh Nhai			491	
7	Huyện Sông Mã			1.901	
8	Huyện Sốp Cộp			1.099	
9	Huyện Thuận Châu			2.493	
10	Huyện Vân Hồ			1.275	
11	Huyện Yên Châu			1.383	

Biểu số 2.4.1

DỰ ÁN 4: DANH MỤC ĐẦU TƯ CỨNG HOÁ ĐƯỜNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2022
	Tổng		87.040
1	Đường Giao thông xã Chiềng Dong - Phiềng Cầm, huyện Mai Sơn	Xã Chiềng Dong, Phiềng Cầm, huyện Mai Sơn	
2	Đường giao thông liên xã Bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má xã Lóng Sập	Xã Chiềng Khừa - Lóng Sập, huyện Mộc Châu	
3	Đường giao thông liên xã điểm đầu từ bản Phạ Lụ (xã Mường É) - điểm cuối bản Nà Muông (xã É Tòng)	Xã Mường É và xã É Tòng, huyện Thuận Châu	
4	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) - xã Chiềng Khay (bản nà Mùn) huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Khay - Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	
5	Đường giao thông từ bản Hua Đán xã Chiềng Muôn đến đập thủy điện Nậm Chiến I, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Chiềng Muôn, Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	

Biểu số 2.4.2

DỰ ÁN 4: DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢI TẠO NÂNG CẤP MẠNG LƯỚI CHỢ VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Dự kiến quy mô	Kế hoạch năm 2022
	Tổng số			5.120
1	Đầu tư chợ xã Song Pe, huyện Bắc Yên	Xã Song Pe, huyện Bắc Yên	640 m ²	
2	Đầu tư chợ xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn	Xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn	2000 m ²	
3	Đầu tư chợ xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Hạng IV (1 tầng; <200 ĐKD; 400m ²)	
4	Đầu tư chợ xã Chiềng Lao, huyện Mường La	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La	Hạng IV (1 tầng; <200 ĐKD; 400m ²)	
5	Đầu tư chợ trung tâm xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Nhà chợ chính và hạng mục phụ trợ	
6	Đầu tư chợ xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai	2000 m ²	
7	Đầu tư chợ xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	3000 m ²	
8	Đầu tư chợ xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Xã Chiềng On, huyện Yên Châu	1000 m ²	
9	Đầu tư chợ Trung tâm xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	4500 m ²	
10	Đầu tư chợ xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu	Xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu	2000 m ²	

Biểu số 2.4.3

DỰ ÁN 4: DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CẤP TRẠM Y TẾ XÃ GIAI ĐOẠN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến quy mô	Dự kiến kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	2	3	5	10	11
	Tổng			3.000	
1	Công trình trạm Y tế xã Tường Hạ	Xã Tường Hạ, huyện Phù Yên	Xây dựng nhà 2 tầng và hạng mục phụ trợ		
2	Công trình trạm Y tế xã Tân Phong	Xã Tân Phong, huyện Phù Yên	Thiết kế mẫu		
3	Công trình trạm Y tế xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ, huyện Phù Yên	Nhà 2 tầng và hạng mục phụ trợ		

Biểu số 2.4.4

DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ ĐBKK NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

60

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
A	Tổng số		201.673	Không tính các dự án Chọi Điện nông thôn, Trạm y tế
I	HUYỆN YÊN CHÂU		16.427	
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK Chiềng Đông			
-	Nhà văn hóa bản Nhôm, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	150 m ²		
-	Nhà văn hóa xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	280 m ²		
-	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Chiềng Đông	360 m ²		
-	Nâng cấp đường từ QL6 - Mỏ nước nóng bản Thèn Luông	Đường cấp B-GTNT, chiều dài 1 km		
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK Sập Vạt			
-	Nhà văn hóa bản Thín, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	130 m ²		
-	Nhà văn hóa bản Nà Khái, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	150 m ²		
-	Nhà văn hóa bản Na Pa, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	130 m ²		
-	Nhà văn hóa bản Khá, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	130 m ²		
-	Nhà văn hóa bản Nghè, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	150 m ²		
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non Hòa Bình, xã Sập Vạt	687 m ²		
-	Cấp điện sinh hoạt an toàn cho các hộ dân bản Thín	0,355 km		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
3	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK Yên Sơn			
-	Nhà văn hóa bán Cò Chĩa, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	180 m ²		
-	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất trường TH - THCS Yên Sơn	660 m ²		
-	Nhà văn hóa bán Kim Sơn 1, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	130 m ²		
-	Cấp điện sinh hoạt an toàn cho các hộ dân các bản Bó Phương, Chiềng Hưng, Chờ Lồng, Kim Sơn II, Cò Chĩa	7,043 km		
4	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK Chiềng On			
-	Nâng cấp đường Nà Cài - bản Khuông, xã Chiềng On	Đường cấp B-GTNT, chiều dài 3km		
-	Cấp điện sinh hoạt an toàn cho các hộ dân các bản Trạm Hóc, Nà Dạ, bản Khuông, Trảng Nặm	1,815 km		
-	Nhà văn hóa bán Nà Đít, xã Chiềng On	180m ²		
II	HUYỆN THUẬN CHÂU		37.910	
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK Xã Liệp Tè			
-	Nhà lớp học trường TH Liệp Tè	Phòng		
-	Nhà bán trú trường TH Liệp Tè	Phòng		
-	Nhà văn hoá bán Cang, xã Liệp Tè	Nhà		
-	Đường giao thông nội bản Co Khết, xã Liệp Tè	Km		
-	Nhà văn hóa bán Co Khiết, xã Liệp Tè	Nhà		
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK Xã Bon Phặng			
-	Nhà văn hóa bán Chăn, xã Bon Phặng	Nhà		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Nhà văn hoá bản Bắc Cường, xã Bon Phặng	Nhà		
-	Nhà văn hóa bản Phặng, xã Bon Phặng	Nhà		
-	Nhà lớp học trường TH-THCS Bon Phặng	Nhà		
3	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã É Tòng			
-	Đường giao thông từ trung tâm xã đến bản Nà Hem, xã É Tòng	Km		
4	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Muối Nội			
-	Nhà văn hóa bản Sáng Sang, xã Muối Nội	Nhà		
-	Nhà văn hóa bản Muối Nội A, xã Muối Nội	Nhà		
-	Cầu bản Bó, xã Muối Nội	Cầu		
-	Nhà lớp học trường MN Hoa sữa Muối Nội	Nhà		
-	Thủy lợi bản Bó Ngường, xã Muối Nội	Ha		
5	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Ngảm			
-	MN Ngọc Lan Chiềng Ngảm	Nhà		
-	Cầu bản Tam, xã Chiềng Ngảm	Cầu		
-	Kênh thủy lợi Bản Sáng, xã Chiềng Ngảm	Ha		
-	Đường vào bản Pù, xã Chiềng Ngảm	Km		
6	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Noong Lay			
-	Nhà văn hóa bản Cửa Hàng, xã Noong Lay	Nhà		
-	Nâng cấp Nhà văn hóa bản Liên Minh, xã Noong Lay	Nhà		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Nâng cấp nhà văn hóa bán Phiêng Phở, xã Noong Lay	Nhà		
-	Nhà lớp học trường MN Ánh Dương Noong Lay	Nhà		
-	Nhà lớp học trường TH-THCS xã Noong Lay	Nhà		
7	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Pha			
-	Đường bản Ngà Phát, xã Chiềng Pha	Km		
-	Đường bản Sai, xã Chiềng Pha	Km		
-	Đường bản Trọ Phẳng, xã Chiềng Pha	Km		
-	Đường vào bản Ta Khoang, xã Chiềng Pha	Km		
-	Cầu nội đồng bản Ta Khoang, xã Chiềng Pha	Cầu		
-	Nhà văn hóa bán Chợ Muông, xã Chiềng Pha	Nhà		
-	Nhà văn hóa bán Ta Khoang, xã Chiềng Pha	Nhà		
8	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Púng Tra			
-	Nhà lớp học trường TH-THCS Púng Tra	Nhà		
-	Nhà văn hóa xã Púng Tra	Nhà		
-	Nhà văn hóa bán Púng A, xã Púng Tra	Nhà		
-	Nhà văn hóa bán Púng B, xã Púng Tra	Nhà		
-	Nhà văn hóa bán Láng Hát, xã Púng Tra	Nhà		
	Nhà văn hóa bán Pha, xã Púng Tra	Nhà		
III	HUYỆN QUỲNH NHAI		6.314	

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Mường Sại			
-	Nâng cấp đường giao thông bản Nhà Sầy - bản Tôm xã Mường Sại	3,8 km		
-	Trường TH-THCS xã Mường Sại;	Hạng mục: Sân, công tường rào và phụ trợ		
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Cà Nàng			
-	Thủy lợi bản Cà Nàng xã Cà Nàng	2 ha		
-	Sửa chữa thủy lợi bản Phát xã Cà Nàng	4 ha		
-	Trụ sở làm việc ban Công an và Chỉ huy quân sự xã Cà Nàng	Nhà làm việc 2 tầng		
3	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Khay			
-	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn liên bản Ít Ta Bót - Nậm Tầu	2,5 km		
-	Đường giao thông nông thôn liên bản Ít Ta Bót - Có Que	2,5 km		
-	Thủy lợi bản Pá Bó xã Chiềng Khay	1.5 km; 3 ha;		
IV	HUYỆN MỘC CHÁU		4.893	
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK Tà Lại			
-	Cầu treo bản C5	30 m		
-	Giao thông Bản Nong Cụt xã Tà Lại - Bản Dọi xã Tân Lập	5 km		
-	Đường giao thông đường Nà Cạn - bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	3 km		
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK Chiềng Khừa			
-	Đường giao thông liên bản Ông Lý - Xa Lú xã Chiềng Khừa	6 km		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Đường giao thông liên bản Phách - Bản Trọng	4 km		
V	HUYỆN PHÙ YÊN		27.311	
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Bắc Phong			
-	Nâng cấp đường vào khu sản xuất bản Bắc Păn, xã Bắc Phong	L = 8,0 km; Bn = 4,0 m, Bm = 3,0 m		
-	Nâng cấp đường vào khu sản xuất bản Bãi Con, xã Bắc Phong	L = 5,0 km; Bn = 4,0 m, Bm = 3,0 m		
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Đá Đỏ			
-	Nâng cấp đường giao thông liên bản Đá Đỏ - Suối Lết, xã Đá Đỏ	Bm 3m, chiều dài L = 2 km		
-	Nâng cấp đường giao thông liên bản Tang Lang - Suối Tiều, xã Đá Đỏ	Bm 3m, chiều dài tuyến L = 2 km		
-	Nhà văn hóa xã Đá Đỏ	225 m ²		
-	Nhà văn hóa bản Hợp Bông, xã Đá Đỏ	150 m ²		
-	Nhà văn hóa bản Bãi Sại, xã Đá Đỏ	150 m ²		
3	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX Xã Huy Tường			
-	Nâng cấp đường giao thông bản Suối Nhúng, xã Huy Tường	L = 2,0 km; Bn = 4,5 m, Bm = 3,5 m		
-	Đường vào trường TH & THCS Huy Tường	L = 0,6 km; Bn = 4,5 m, Bm = 3,5 m		
-	Xây dựng cầu trần liên hợp bản Suối Nhúng, xã Huy Tường	Dài 20 m, rộng 4,0 m		
-	Hệ thống mương thủy lợi bản Noong Pùng đến bản Tiến Phong	L = 2,5 km, tưới cho 55 ha ruộng lúa 2 vụ		
-	Sân vận động xã Huy Tường			
4	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Mường Thái			

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Nâng cấp đường giao thông bản Chiếu đi bản Giáp đất (đoạn khe lãnh đi Giáp đất)	L = 4,0 km; Bn = 4,5 m, Bm = 3,5 m		
-	Nâng cấp đường giao thông bản Thái đi bản Suối Quố, Suối Tàu	L = 3,0 km; Bn = 4,5 m, Bm = 3,5 m		
5	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Sập Xa			
-	Đường giao thông từ trung tâm xã đến bản Phiêng Lương, xã Sập Xa	Bn = 4,5 m, đường BTXM, dài 1,2 km		
-	Nhà văn hóa bản Xa, xã Sập Xa	150 m ²		
-	lớp học mầm non cấm bản Pun, xã Sập Xa	Nhà lớp học 1 phòng và hạng mục phụ trợ		
-	Đường giao thông liên bản Nà Lạy đến bản Suối Đăm, xã Sập Xa	Bn 4,5 m, Bm 3 m, dài 3,7 km		
6	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Suối Tọ			
-	Nâng cấp đường giao thông từ bản Suối Dinh đi bản Pắc Bẹ C	Bn = 4,5 m, Bm = 3,5 m, chiều dài tuyến L = 3 km		
-	Trạm y tế xã Suối Tọ, huyện Phù Yên	Nhà 2 tầng và hạng mục phụ trợ		
-	Nhà văn hóa bản Trồ, xã Suối Tọ	150 m ²		
7	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Tân Phong			
-	Trạm Y tế xã Tân Phong	Thiết kế mẫu		
-	Nhà văn hóa bản Đồng Mã, xã Tân Phong	150 m ²		
-	Nhà văn hóa bản Bông xã Tân Phong	150 m ²		
-	Nâng cấp sửa chữa trường mầm non xã Tân Phong	180 m ²		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Nâng cấp trường trung tâm xã + các điểm trường xã Tân Phong	450 m ²		
-	Hạng mục phụ trợ trường TH & THCS Tân Phong	Các hạng mục phụ trợ		
8	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Tường Hạ			
-	Trạm y tế xã Tường Hạ	Xây dựng nhà 2 tầng và hạng mục phụ trợ		
-	Nhà chức năng trường TH & THCS Tường Hạ	Nhà chức năng và hạng mục phụ trợ		
-	Bếp ăn bán trú trường Mầm non Tường Hạ	Bếp ăn bán trú và hạng mục phụ trợ		
9	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Tường Phong			
-	Xây dựng cầu trần bản Suối Lóm, xã Tường Phong	L = 40 m, chiều rộng cầu 4,0 m		
-	Xây dựng cầu trần bản Suối Tre, xã Tường Phong	L = 40 m, chiều rộng 4,0 m;		
-	Nhà văn hóa bản Suối Lóm	150 m ²		
-	Đường xuống bến đò ngang trung tâm xã Tường Phong	Bm 3m, chiều dài L = 500 m		
-	Nhà công vụ trường TH và THCS xã Tường Phong	1 tầng, 8 phòng		
VI	HUYỆN SÔNG MÃ		25.753	
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKX xã Mường Sai			
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Nà Hò, xã Mường Sai	136		
-	Công trình nhà lớp học bản Kỳ Ninh, xã Mường Sai	90		
-	Công trình cầu treo qua suối Lẹ bản Nà Hò - khu Buôn Ban, xã Mường Sai	37,5		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình cầu cứng qua suối Sút, bản Sai - bản Púng Cắm, xã Mường Sai	90		
-	Công trình cầu cứng qua suối bản Nà Un Ngoài - khu Nà Un Trong, xã Mường Sai	45		
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Nậm Ty			
-	Công trình thủy lợi bản Nà Phung, xã Nậm Ty	6		
-	Công trình nhà văn hóa bản Nà Phung, xã Nậm Ty	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Nà Pàn, xã Nậm Ty	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Bó Hùn, xã Nậm Ty	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Hua Cát, xã Nậm Ty	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Nà Hiếm, xã Nậm Ty	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Pá Lành, xã Nậm Ty	160		
-	Công trình thủy lợi Nà Hết, bản Pàn, xã Nậm Ty	160		
3	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Mường Cai			
-	Nâng cấp đường giao thông từ suối Huổi Sóc Sầm - bản Háng Lìa, xã Mường Cai	5		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Mường Cai, xã Mường Cai	136		
-	Công trình nhà lớp học tiểu học bản Huổi Hưa, xã Mường Cai	136		
-	Nâng cấp đường giao thông từ suối Huổi Sóc Sầm - bản Háng Lìa, xã Mường Cai	5		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình nhà lớp học mầm non bán Mường Cai, xã Mường Cai	136		
-	Công trình nhà lớp học tiểu học bán Huổi Hư, xã Mường Cai	136		
-	Công trình nhà văn hóa bán Háng Lìa, xã Mường Cai	160		
4	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Nậm Mẩn			
-	Công trình nhà lớp học mầm non bán Nhà Sày, xã Nậm Mẩn	90		
-	Công trình thủy lợi bán Chá, xã Nậm Mẩn	4		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bán Nhà Sày, xã Nậm Mẩn	90		
-	Công trình thủy lợi bán Nà Cà, xã Nậm Mẩn	6		
-	Công trình thủy lợi bán Huổi Khoang, xã Nậm Mẩn	6		
-	Công trình nhà văn hóa bán Púng Hày, xã Nậm Mẩn	160		
-	Công trình thủy lợi bán Púng Hày, xã Nậm Mẩn	3,5		
5	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng En			
-	Công trình nhà văn hóa bán Hua Lung, xã Chiềng En	160		
-	Công trình nhà văn hóa bán Nà Bó, xã Chiềng En	160		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bán Pá Lung, xã Chiềng En	90		
-	Công trình nhà văn hóa bán Nà Bó, xã Chiềng En	160		
-	Công trình nhà văn hóa bán Lọng Xáy, xã Chiềng En	160		
-	Công trình nâng cấp tuyến đường từ Bản Ten đến bản Co Tông	4,1		
-	Công trình nhà văn hóa bán Huổi Púng, xã Chiềng En	160		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
6	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Huổi Một			
-	Công trình thủy lợi phai Hìn Ngón, bản Co Kiêng, xã Huổi Một	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Túp Phạ A, xã Huổi Một	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Lọng Mòn, xã Huổi Một	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Nà Nghiều, xã Huổi Một	160		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Nong Ke, xã Huổi Một	90		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Túp Phạ A, xã Huổi Một	90		
-	Công trình nhà văn hóa bản Co Kiêng, xã Huổi Một	160		
-	Công trình cầu cứng qua suối bản Nậm Pù, xã Huổi Một	60		
7	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Yên Hưng			
-	Nâng cấp đường giao thông từ bản Páng - bản Huổi, xã Yên Hưng	1,6		
-	Nâng cấp đường giao thông từ bản Sông - bản Nà Hạ, xã Yên Hưng	0,9		
-	Nâng cấp đường giao thông từ bản Bang - bản Pá Pao, xã Yên Hưng	1		
-	Công trình cầu treo qua suối bản Pọng, xã Yên Hưng	75		
-	Công trình phát thanh xã Yên Hưng	1		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Pái, xã Yên Hưng	240		
-	Công trình thủy lợi phai Hua Tát, bản Lũng Há, xã Yên Hưng	5,7		
8	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Phung			
-	Công trình nhà văn hóa bản Củ Bú, xã Chiềng Phung	160		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình thủy lợi bản Nong Xô, xã Chiềng Phung	5,6		
-	Công trình đường giao thông từ bản Nà Sàng - Pá Tra, xã Chiềng Phung	1 km		
-	Công trình thủy lợi bản Nong Xô, xã Chiềng Phung	5,6		
-	Công trình nhà văn hóa bản Co Khương, xã Chiềng Phung	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Chiềng Vàng, xã Chiềng Phung	160		
-	Công trình cầu cứng qua suối bản Pịn - bản Nong Xô, xã Chiềng Phung	90		
9	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Đứa Mòn			
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Púng Núa, xã Đứa Mòn	90		
-	Công trình thủy lợi Nà Kéo, bản Đứa Luông, xã Đứa Mòn	12		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Hìn Pén, xã Đứa Mòn	90		
-	Nâng cấp đường giao thông từ trung tâm xã Đứa Mòn - đến bản Tia	4		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Huổi Léch I, xã Đứa Mòn	90		
10	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Cang			
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Mỏ, xã Chiềng Cang	136		
-	Công trình nhà văn hóa bản Trung Châu, xã Chiềng Cang	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Hát Sét, xã Chiềng Cang	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Cù, xã Chiềng Cang	160		
-	Công trình nhà lớp học tiểu học khu Chiềng Xôm, xã Chiềng Cang	136		
-	Công trình nhà văn hóa bản Hua Tát, xã Chiềng Cang	160		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình nhà văn hóa bản Tre, xã Chiềng Cang	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Tin Tát, xã Chiềng Cang	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Pá Nó, xã Chiềng Cang	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Nà Tý, xã Chiềng Cang	160		
11	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Pú Bấu			
-	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã - nhà văn hóa bản Háng Xía	4,5		
-	Công trình nhà văn hóa bản Pú Bấu, xã Pú Bấu	160		
-	Công trình nhà lớp học mầm non bản Pá Ca, xã Pú Bấu	136		
-	Công trình nhà văn hóa bản Pha Hấp, xã Pú Bấu	160		
12	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Khoong			
-	Công trình nhà văn hóa bản Hua Na, xã Chiềng Khoong	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Ta Bay, xã Chiềng Khoong	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Pá Ban, xã Chiềng Khoong	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Pá Bông, xã Chiềng Khoong	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Hát Lay, xã Chiềng Khoong	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Co Tông, xã Chiềng Khoong	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Nộc Kỳ, xã Chiềng Khoong	160		
-	Công trình nhà văn hóa bản Pá Có, xã Chiềng Khoong	160		
-	Công trình nhà lớp học tiểu học bản Hồng Nam, xã Chiềng Khoong	270		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
VII	HUYỆN SÓP CỘP		10.111	
1	Dự án đầu tư CSHHT xã ĐBKX xã Nậm Lạnh			
-	Đường giao thông trung tâm Sốp Cộp - Cửa khẩu Lạnh Bánh (đoạn Km11) đi bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh	3 km		
-	Cầu qua suối từ bản Cang, xã Nậm Lạnh	40 m		
2	Dự án đầu tư CSHHT xã ĐBKX xã Púng Bánh			
-	Đường giao thông Púng Bánh - Mường Lèo (đoạn Km 8) đi bản Phá Thổng	3 km		
-	Đường giao thông tỉnh lộ 105 vào khu trung tâm tái định cư Pom Cọ, bản Liềng	0,6 km		
-	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi liên bản: Bản Lùn, bản Liềng, bản Kéo Cọ	32 ha		
3	Dự án đầu tư CSHHT xã ĐBKX xã Sam Kha			
-	Công trình giao thông trung tâm xã Sam Kha đi bản Pu Sút, Ten Lán (đoạn Km 5) đến bản Phá Thổng	3,5 km		
-	Nâng cấp đường giao thông bản Tia đi bản Huổi Sang, xã Sam Kha	3 km		
-	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi bản Tia, xã Sam Kha	12 ha		
4	Dự án đầu tư CSHHT xã ĐBKX xã Mường Lèo			
-	Đường giao thông từ ngã ba đường Mường Lèo - Sam Quảng (Km1) đi bản Huổi Làn	3 km		
-	Đường giao thông nối tiếp từ bản Huổi Làn đi bản Huổi Áng	2 km		
VIII	HUYỆN MƯỜNG LA		18.949	

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
1	Dự án đầu tư CSHHT xã ĐBK xã Chiềng San			
-	Nhà văn hóa Bản Lâm	120 m ²		
-	Nâng cấp đường giao thông bản Pú Pẩu	3,7km		
-	Cấp điện sinh hoạt cho các hộ sử dụng điện không an toàn bản Chiến	37 hộ		
-	Nhà văn hóa bản Púng Quài	120m ²		
-	Nhà văn hóa bản Pá Chiến	120 m ²		
2	Dự án đầu tư CSHHT xã ĐBK xã Nậm Giôn			
-	Nhà văn hóa bản Pá Hợp	120m ²		
-	Công trình nhà công vụ UBND xã Nậm Giôn	60m ²		
-	Xây dựng nhà lớp học mầm non, tiểu học Huổi Hóc	04 phòng học		
-	Công trình nhà văn hóa bản Púng Ngùa	120m ²		
-	Nhà văn hóa bản Huổi Sắn	120m ²		
-	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Nậm Giôn	250m ²		
-	Đường giao thông bản Púng Ngùa	2,5 km		
3	Dự án đầu tư CSHHT xã ĐBK xã Chiềng Lao			
-	Cầu đập tràn qua suối Xăm bản Pẩu	15m		
-	Sửa chữa nhà văn hóa và khuôn viên Bản Léch			
-	Nhà văn hóa bản Phiêng Cại + Huổi Păng, xã Chiềng Lao	200 m ²		
-	Nhà văn hóa bản Tà Sài + Huổi La, xã Chiềng Lao	200 m ²		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Nhà văn hóa bản Nà Xu + Xu Xám + Nà Biêng	200 m ²		
4	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Hua Trai			
-	Đường Bản Ó, Bản Lè	2 km		
-	Sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa UBND xã Hua Trai	150m ²		
-	Xây dựng nhà công vụ, kè đá trường TT mầm non, tiểu học - THCS Hua Trai	05 phòng		
-	Tuyến đường Pá Hiêu bản Ái Ngựa	800 m		
-	Nhà văn hóa bản Po, xã Hua Trai	120 m ²		
-	Sửa chữa, nâng cấp nhà lưu trú cho bệnh nhân	2 phòng		
-	Nhà văn hóa bản Nậm Hồng, xã Hua Trai	120 m ²		
5	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Pi Toong			
-	Đường giao thông Bản Lửa - Nà Trà	3 km		
-	Đường giao thông bản Cang Phiêng	1 km		
-	Thủy lợi Bản Ten, xã Pi Tong	8ha		
-	Thủy lợi Bản Lửa	10ha		
-	Nhà văn hóa bản Tong	200 m ²		
6	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Muôn			
-	Nâng cấp tuyến đường từ bản Hua Chiến đến bản Hua Kim	6 km		
-	Sửa chữa đường từ trung tâm xã lên bản Hua Chiến	3 km		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Thủy lợi bản Pá Khoang	25 ha		
7	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Công			
-	Nhà văn hóa bản Co Sủ Trên	120m ²		
-	Sửa chữa nhà văn hóa Đin Lanh	100m ²		
-	Thủy lợi bản Tóc Tát Trên	4ha		
-	Nhà văn hóa bản Chông Du Tầu	120m ²		
-	Nhà văn hóa bản Tảo Ván	120m ²		
8	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Ân			
-	Nhà văn hóa bản Sạ Súng	120 m ²		
-	Thủy lợi Lạ Lâu, bản Nong Hoi Dưới	20 ha		
-	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã đến bản Hán Trạng, Xạ Súng	10km		
9	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Tạ Bú			
-	Nhà văn hóa Bản Kết	36 hộ		
-	Cấp điện sinh hoạt cho các hộ sử dụng điện không an toàn bản Bắc			
-	Nhà lớp học bản Tôm, xã Tạ Bú	120 m2		
-	Nhà văn hóa bản Pá Tong, xã Tạ Bú	120 m2		
-	Nhà văn hóa UBND xã Tạ Bú	200m2		
-	Nhà lớp học bản Bắc, xã Tạ Bú	120m2		
10	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Hoa			

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Nhà văn hóa bản Lúa Xe	120m ²		
-	Nhà lớp học Mầm Non bản Pá Liềng	02 phòng học		
-	Nhà văn hóa bản Nong É	120m ²		
-	Nhà văn hóa bản Mường Pịa	150 m ²		
-	Nhà văn hóa UBND xã Chiềng Hoa	200m ²		
-	Nhà văn hóa bản Hìn Phá	120m ²		
IX	HUYỆN BẮC YÊN		20.529	
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Sại			
-	Đường bê tông trục chính Lái Ngài - Mồm Bò - Tà Lành - Co Phách bản Quế Sơn (giai đoạn I)	2,9 km, cấp B		
-	Đường bê tông từ trung tâm xã đến bản Tăng (giai đoạn I)	1,5 km, cấp B		
-	Đường liên bản Co Muồng - Suối Trắng - Nậm Lin - ngã ba trục Co Muồng - Mồm Bò (bản Nà Dòn) giai đoạn I	1,1 km, cấp B		
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chím Vàn			
-	Điện NT khu Suối Đay			
-	Đường bê tông bản Suối Cải - bản Cải B	2,1 km, cấp B		
-	Đường bê tông từ bản Vàn lên đường Cao Đa Tà Hộc (đoạn còn lại)	2 km, cấp B		
-	Đường bê tông từ đường Cao Đa Tà Hộc - bản Suối Cải (đoạn còn lại khu Suối Đay)	0,7 km, cấp B		
-	Điện NT khu Co Có	11 hộ		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
3	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Hang Chú			
-	Nhà văn hóa bản Suối Lệnh	200 m ² , 160 hộ		
-	Nhà văn hóa bản Hang Chú	200 m ² , 156 hộ		
-	Điện NT khu Phình Hồ	11 hộ		
-	Điện NT khu A, B, C	14 hộ		
-	Điện NT khu Háng Chơ, Trại Bẹ, Hua Ngà	16 hộ		
-	Đường bê tông trục chính bản Pa Cư Sáng đi Suối Lệnh, Nậm Lộng (giai đoạn 1)	3,8 km, cấp B		
4	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Háng Đồng			
-	Nhà văn hóa bản Háng Đồng	200 m ² , 198 hộ		
-	Đường bê tông nội bản bản Háng Đồng	2 km, cấp C		
-	Đường bê tông nội bản bản chống Tra	1 km, cấp C		
-	Thủy lợi từ suối Háng Đồng vào khu sản xuất	20 ha		
-	Thủy lợi bản Háng Đồng C	15 ha		
5	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Hồng Ngài			
-	Đường bê tông từ trung tâm xã đến bản Dung Giàng (giai đoạn 1)	2 km, cấp B		
-	Đường Hồng Ngài đi Suối Háo, Suối Chạn, Suối Ténh, Lung Tang, Bản Ngậm (giai đoạn 3)	3,6 km, cấp B		
6	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Hua Nhàn			
-	Đường bê tông vào khu Pa Hóc bản Hồ Sen.	1 km, cấp B		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Đường bê tông trục chính bản Pa Khóm	1,7 km, cấp B		
-	Đường bê tông trục chính bản Đèo Chẹt	2 km, cấp B		
-	Đường bê tông trục chính bản Suối Thón	1,5 km, cấp B		
7	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Làng Chếu			
-	Đường bê tông từ ngã ba đi bản Làng Chếu đến bản Suối Lông - Păng Khũa (giai đoạn 1)	3,7 km, cấp B		
-	Đường bê tông từ TT xã đến bản Háng Cao	1,2 km, cấp B		
-	Đường bê tông từ TT xã đến bản Trang Dua Hang	0,5 km, cấp B		
-	Điện NT cụm dân cư gần nhà ông Sông Khua Giang	9 hộ		
8	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Pắc Ngà			
-	Nhà văn hóa bản Pắc Ngà	Xây nhà cấp 3, 200m ² , 220 hộ		
-	Đường bê tông liên bản Tà Ìu đến bản Lùm Thượng B	1,6 km, cấp B		
-	Đường bê tông nội bản Nong Cóc	1,3 km, cấp C		
-	Đường bê tông nội bản Áng	1,4 km, cấp C		
-	Sửa chữa nương Bó Hoi - Nà Ta bản Bước	15 ha		
-	Điện NT khu Pá Pháy	22 hộ		
9	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Phiêng Côn			
	Đường bê tông trục chính đi vào nhóm hộ suối Tằng của bản En (giai đoạn 1)	4 km, cấp B		
	Đường bê tông trục chính bản Kỳ Sơn (giai đoạn 3)	1,7 km, cấp B		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
10	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Song Pe			
-	Đường bê tông từ QL 37 đến bản Suối Quốc (giai đoạn 1)	3 km, cấp B		
-	Đường bê tông từ QL 37 đến bản Suối Song (giai đoạn 2)	2,5 km, cấp B		
11	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Tạ Khoa			
-	Đường bê tông từ đường bãi Tây - Nhận Nọc đến cửa suối Sập Việt (giai đoạn 1)	3,6 km, cấp B		
-	Đường bê tông Q B - Tà Đò A	2 km, cấp B		
-	Điện NT khu dân cư Keo Tạ Vạ	7 hộ		
-	Điện NT khu dân cư Tà Đò B	5 hộ		
X	HUYỆN VẮN HỒ		17.525	
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Xuân			
-	Công trình đường lên trường mầm non bản Tân Thành	300m		
-	Công trình điện sinh hoạt bản Suối Quanh (đội 3)	17		
-	Công trình bếp ăn + nhà vệ sinh học sinh điểm trường tiểu học Tân Thành, Nậm Dên			
-	Cầu qua suối Vá bản Nà Sàng	25m		
-	Trạm Y tế xã Chiềng Xuân	Đường lên, sân, tường bao, vườn thuốc, bể chứa nước sinh hoạt		
-	Nhà làm việc khối Đoàn thể UBND xã Chiềng Xuân			
-	Cầu qua suối bản Khò Hồng, xã Chiềng Xuân			
-	Thủy lợi Dúp Kén	700m		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Liên Hòa			
-	Công trình đường giao thông liên bản Nôn - bản Lán	950m		
-	Nhà ăn + bếp mầm non bản Lán			
-	Nâng cấp và xây dựng bổ sung công trình điện lưới bản Ngâm	20		
-	Xây dựng mới Trạm Truyền thanh - Truyền hình xã Liên Hòa			
-	Nhà lớp học điểm trường tiểu học Suối Nậu	1 tầng 3 phòng		
3	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Lóng Luông			
-	Hệ thống mương phai bản Lóng Luông, Suối Bon, xã Lóng Luông	1,2km		
-	Thoát ngập tại bản Pa Kha - Lóng Luông	200 m		
-	Đường giao thông nội đồng bản Săn Cài	2km		
-	Đường vào khu sản xuất bản Lũng Xá	1km		
4	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Mường Men			
-	Công trình bếp ăn trường Mầm non trung tâm			
-	Đường liên bản Nà Pa - Cóm	1,7km		
-	Nhà lớp học trường Mầm non trung tâm (bản Nà Pa)	2 tầng 4 phòng		
-	Nhà văn hóa xã Mường Men	200m ²		
-	Sửa chữa trạm Y tế xã Mường Men			
5	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Mường Tè			
-	Công trình thủy lợi bản Pơ Tào	1,7km		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình đường từ bản Pơ Tào đi bản Hinh	3km		
-	Công trình Nhà lớp học bộ môn trường TH & THCS Mường Tè	2 tầng 8 phòng		
-	Đường từ bản Pơ Tào ra Sông Đà	2km		
6	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Suối Bàng			
-	Công trình đường liên bản Ám - Chiềng Đa - bản Sỏi	2,5 km		
-	Xây dựng cầu tràn bản Pư Lai	14 hộ dân, 1 điểm trường, khu sx rộng 50 ha		
-	Điện lưới khu Pa San, bản Pư Lai	30		
-	Công trình Nhà lớp học trường Mầm non bản Sỏi	1 tầng 2 phòng		
-	Cầu qua suối bản Sỏi			
-	Cầu tràn bản Sỏi			
7	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Tân Xuân			
-	Công trình Nhà công vụ giáo viên trường tiểu học, điểm trường Sa Lai	120m ²		
-	Công trình Nhà công vụ + nhà vệ sinh điểm trường TH bản Láy	1 tầng 4 phòng + nhà vệ sinh học sinh		
-	Công trình sân + cổng + tường rào + bờ kè giáp suối trường Mầm non trung tâm			
-	Xây dựng mới Trạm Truyền thanh - Truyền hình xã Tân Xuân			
-	Nhà lớp học điểm trường tiểu học bản Láy	1 tầng 3 phòng		
-	Nhà lớp học điểm trường tiểu học bản Sa Lai	1 phòng		
XI	HUYỆN MAI SƠN		15.951	

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
1	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Tà Hộc			
-	Công trình nhà văn hóa bản Hộc, xã Tà Hộc	150 m ²		
-	Công trình đường nội bản Pù Tền, xã Tà Hộc	0,49 km		
-	Công trình đường Pá Hộc đi Pù Tền, xã Tà Hộc	1 km		
-	Công trình Cầu treo bản Hộc đi khu Xóm Cháu và bản Mường, xã Tà Hộc	70 m		
-	Công trình nhà văn hóa bản Mường, xã Tà Hộc	150 m ⁺		
-	Công trình nhà văn hóa bản Bơ, xã Tà Hộc	150 m ²		
-	Công trình nhà văn hóa bản Mòng, xã Tà Hộc	150 m ²		
-	Công trình cầu qua suối Hạc, bản Pon, xã Tà Hộc	15 m		
2	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Lương			
-	Công trình nhà văn hóa bản Nà Rằm - Phú Lương, xã Chiềng Lương	150 m ²		
-	Công trình kè chắn lũ bản Nà Rằm, xã Chiềng Lương	250 m		
-	Công trình nâng cấp điện không an toàn bản Lù, xã Chiềng Lương	40 hộ		
-	Công trình cấp điện sinh hoạt bản Lụng Tra, xã Chiềng Lương	24 hộ		
-	Công trình nâng cấp điện không an toàn bản Pó In, xã Chiềng Lương	36 hộ		
-	Công trình nâng cấp điện không an toàn bản Tàng, xã Chiềng Lương	21 hộ		
3	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Mai			
-	Công trình nhà văn hóa bản Dăm Hoa, xã Chiềng Mai	150 m ²		

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình kênh mương tưới tiêu đồng ruộng bản Vặt Bon, xã Chiềng Mai	5 ha		
-	Công trình nhà văn hóa bản Vặt Bon, xã Chiềng Mai	150 m ²		
-	Nâng cấp đường điện không an toàn bản Ban, xã Chiềng Mai	12 hộ		
-	Công trình nhà văn hóa bản Co Sâu, xã Chiềng Mai	150 m ²		
-	Công trình thủy lợi bản Cuộm Sorn, Dăm Hoa, xã Chiềng Mai	10 ha		
-	Công trình nhà văn hóa xã Chiềng Mai	200 m ²		
-	Đường đến bản Puôn Vạy, xã Chiềng Mai	1,7 km		
4	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Kheo			
-	Công trình đường liên bản Buốt Vắn đi bản Nà Khoang, xã Chiềng Kheo	2 km		
-	Công trình cầu qua suối bản Nà Kéo, xã Chiềng Kheo	25 m		
-	Công trình nhà văn hóa xã Chiềng Kheo	200 m ²		
-	Công trình nhà văn hóa bản Buốt Vắn, xã Chiềng Kheo	150 m ²		
-	Công trình cầu qua suối bản Buốt Vắn, xã Chiềng Kheo	15 m		
5	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Dong			
-	Công trình đường bản Nà Khoáng, xã Chiềng Dong đi bản Ngòi Chiềng Chung	3,5 km		
-	Công trình nhà văn hóa bản Pha Đin, xã Chiềng Dong	150 m ²		
-	Công trình đường bản Khoáng Biên đi Lò Um, Chiềng Chung	1,03 km		
-	Công trình cầu qua suối bản Dè, xã Chiềng Dong	25m		
6	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Chiềng Ve			

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình nhà văn hóa bản Thẩm, xã Chiềng Ve	150 m ²		
-	Công trình kênh mương tưới tiêu cho đồng ruộng bản Khiềng, xã Chiềng Ve	3 ha		
-	Công trình nhà văn hóa xã Chiềng Ve	200 m ²		
-	Công trình nhà văn hóa bản Sươn Mè, xã Chiềng Ve	150 m ²		
-	Công trình đường Bản Púng đi bản Sươn Mè	2,44 km		
-	Công trình nâng cấp điện không an toàn bản Sươn Mè, xã Chiềng Ve	30 hộ		
7	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Nà Ót			
-	Công trình nhà văn hóa bản Trăm Hin, xã Nà Ót	150 m ²		
-	Công trình nhà văn hóa bản Xà Vít, xã Nà Ót	150 m ²		
-	Công trình cầu vào UBND xã Nà Ót	14 m		
-	Công trình cầu treo vào khu sản xuất bản Nà Hạ, xã Nà Ót	50 m		
-	Công trình đường giao thông từ QL4G - bản Lọ Dên (Huổi Dên), xã Nà Ót	2,19		
-	Công trình nhà văn hóa bản Lọ Dên, xã Nà Ót	150 m ²		
8	Dự án đầu tư CSHT xã ĐBKK xã Phiềng Cầm			
-	Công trình nhà văn hóa bản Phiềng Mụ, xã Phiềng Cầm	150 m ²		
-	Công trình nhà văn hóa bản Lọng Nghiu, xã Phiềng Cầm	150 m ²		
-	Công trình cầu qua suối bản Huổi Nhả Thái, xã Phiềng Cầm	15 m		
-	Công trình nhà văn hóa bản Lọng Hỏm, xã Phiềng Cầm	150 m ²		
-	Công trình đường Nong Tàu Mông - Nong Nghè - Xà Nghè - Huổi Nhả - Phiềng Phụ A, xã Phiềng Cầm	3,63		

Biểu số 2.4.5

DỰ ÁN 4. ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG BẢN ĐBKK GIAI ĐOẠN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

86

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú	CÔNG BẢO SƠN LA/Số 15 + 16/Ngày 31-07-2022
	Tổng số		22.721	Không tính các dự án Chợ, Điện nông thôn, Trạm y tế	
I	HUYỆN YÊN CHÂU		237		
1	Hệ thống thủy lợi phai Khê, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	12 ha			
II	HUYỆN THUẬN CHÂU		2.840		
1	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Chiềng Ly				
-	Nhà văn hóa bản Cự, xã Chiềng Ly				
-	Thủy lợi nương Cầm, bản Nà Cài, xã Chiềng Ly				
-	Nhà văn hóa bản Hán, xã Chiềng Ly				
2	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Thôm Mòn				
-	Đường giao thông bản Phé, xã Thôm Mòn				
-	Nhà văn hóa bản Lọng Cại, xã Thôm Mòn				
-	Nhà văn hóa bản Thống Nhất B, xã Thôm Mòn				
-	Nhà văn hóa bản Thống Nhất A, xã Thôm Mòn				
III	HUYỆN QUỲNH NHAI		1.420		
1	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Mường Giôn				
-	Công trình Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản Huổi Ngà	2,0 km			

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 15 + 16/Ngày 31-07-2022					87
STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú	
-	Công trình đường giao thông bản Huổi Vắn	1,5 km			
-	Công trình Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản Hua Xanh	2,0 km			
-	Công trình cầu tràn qua suối bản Huổi Tèo	10 m			
2	Dự án đầu tư CSHHT bản ĐBKk xã Chiềng Ôn				
-	Công trình sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bản đồng tâm xã Chiềng Ôn	2,0 km			
3	Dự án đầu tư CSHHT bản ĐBKk xã Chiềng Khoang				
-	Công trình thủy lợi bản hậu xã Chiềng Khoang	2,0 km kênh, 9,2 ha			
IV	HUYỆN MỘC CHÁU		4.733		
1	Dự án đầu tư CSHHT bản ĐBKk xã Hua Páng				
-	Cầu treo đi khu sản xuất bản Suối Ba	68 m			
-	Cầu treo đi khu sản xuất bản Suối Ngõa	68 m			
2	Dự án đầu tư CSHHT bản ĐBKk xã Nà Mường				
-	Đường giao thông nội bản Săm Nặm	1,7 km			
-	Đường giao thông đến bản Suối Khua	2 km			
3	Dự án đầu tư CSHHT bản ĐBKk xã Quy Hường				
-	Cầu treo Văng Khoài	75 m			
-	Nhà văn hóa bản Nà Giàng 2	143 hộ			
4	Dự án đầu tư CSHHT bản ĐBKk xã Phiêng Luông				
-	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông từ bản Suối Khem đến bản Pa Hóc	3 km			

88						CÔNG BÁO SƠN LA/Số 15 + 16/Ngày 31-07-2022		
STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú				
5	Dự án đầu tư CSHHT bản DBKK xã Chiềng Sơn							
-	Thủy lợi bản Dân Quân (mới)	7 ha						
6	Dự án đầu tư CSHHT bản DBKK xã Chiềng Hắc							
-	Điện sinh hoạt cụm Sái Lậu bản Tà Số 1	2 km						
-	Đường bê tông từ trung tâm bản Co Lù đến cụm bản Pá Đông	2 km						
V	HUYỆN PHỦ YÊN		3.314					
1	Dự án đầu tư CSHHT bản DBKK xã Tân Lang							
-	Làm mới đường bê tông từ đầu cầu treo đi bản Suối lèo, xã Tân Lang	L = 1,0 km; Bn = 4,0 m, Bm = 3,0 m						
-	Cầu qua suối bản Đu Lau, xã Tân Lang	L = 40 m; Bm = 4,0 m						
-	Xây dựng rãnh thoát nước đường vào bản Suối Lèo, xã Tân Lang	L = 1,6 km; Bn = 4,0 m, Bm = 3,0 m						
2	Dự án đầu tư CSHHT bản DBKK xã Huy Thượng							
-	Nâng cấp Đường giao thông nội bản Núi Hồng, xã Huy Thượng	L = 1,3 km; Bn = 4,0 m, Bm = 3,0 m						
3	Dự án đầu tư CSHHT bản DBKK xã Huy Tân							
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên bản Cù 1 lên bản Suối Cù, xã Huy Tân	L = 2,0 km; Bn = 4,5 m, Bm = 3,5 m						
4	Dự án đầu tư CSHHT bản DBKK xã Quang Huy							
-	Đường giao thông bản Suối Gióng, xã Quang Huy	L = 0,8 km; Bn = 4,0 m, Bm = 3,0 m						
-	Đường giao thông bản Suối Ó, Xã Quang Huy	L = 0,9 km; Bn = 4,0 m, Bm = 3,0 m						

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Đường giao thông bản Suối Ngang, xã Quang Huy	L = 2,5 km; Bn = 3,5 m, Bm = 2,5 m		
5	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Mường Cơi			
-	Đường bê tông nội bản Suối Bục, xã Mường Cơi	L = 1,2 km; Bn = 4,0 m, Bm = 3,0 m		
-	Đường bê tông từ điểm nối bản Bau vào Suối Cốc	L = 1,5 km; Bm 3m		
6	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Huy Bắc			
-	Đường nội bản bản Sáy Tú, xã Huy Bắc	L = 2,0 km; Bn = 4,5 m, Bm = 3,0 m		
VI	HUYỆN SÔNG MÃ		947	
1	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Chiềng Sơ			
-	Công trình đường giao thông nội bản, bản Nà Luồng, xã Chiềng Sơ	0,8 km		
-	Công trình đường giao thông từ bản Đứa - bản Huổi Cát, xã Chiềng Sơ	2 km		
-	Công trình thủy lợi bản Nà Luồng, xã Chiềng Sơ	6,7 ha		
-	Công trình đường giao thông từ bản Mâm - bản Ten U', xã Chiềng Sơ	5,3 km		
2	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Chiềng Khương			
-	Công trình đường giao thông nội bản, bản Phụ xã Chiềng Khương	0,3 km		
-	Công trình cấp điện sinh hoạt bản Phụ, xã Chiềng Khương	55		
VII	HUYỆN SÓP CỘP		1.420	
1	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Sốp Cộp			
-	Công trình thủy lợi bản Co Hinh, xã Sốp Cộp	4,6 ha		

90					CÔNG BÁO SƠN LA/Số 15 + 16/	Ngày 31-07-2022			
STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú					
-	Công trình đường nội bản Pá Hóc, xã Sốp Cộp	0,8 km							
-	Công trình đường nội bản Tà Cọ, xã Sốp Cộp	1 km							
2	Dự án đầu tư CSHT bản DBKK xã Dồm Cang								
-	Công trình đường giao thông liên bản Tộc Lù - Huổi Nó, xã Dồm Cang	1 km							
VIII	HUYỆN MUỜNG LA		2.603						
1	Dự án đầu tư CSHT bản DBKK xã Mường Bú								
-	Tuyến đường trục bản từ đầu điểm trường học đến nhà ông Lử								
-	Xây dựng khuôn viên nhà văn hóa + sân thể thao bản								
-	Nhà văn hóa bản Huổi Hào	120 m ²							
-	Đường nội bản Pá Xúm	0,4 km							
2	Dự án đầu tư CSHT bản DBKK xã Mường Trai								
-	Công trình đường nội đồng bản Huổi Muôn	2 km							
-	Từ đường vành đai Nậm Giôn đến bản Huổi Ban	2,5 km							
3	Dự án đầu tư CSHT bản DBKK xã Ít Ong								
-	Mở rộng và xây đập tràn đường giao thông bản Nà Nong lên nghĩa trang nhân dân bản Nà Nong	0,8 km							
-	Sửa chữa, nâng cấp đường bản Ten	1 km							
-	Đường giao thông bản Nà Tông (giáp nhà máy may đi vào UBND thị trấn)	1 km							
-	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Ta Po, bản Tìn	10 ha							
4	Dự án đầu tư CSHT bản DBKK xã Mường Chùm								

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Đường giao thông nông thôn từ bản Nong Chay đến bản Nà Thươn	3,5 km		
-	Nhà văn hóa bản Nong Buôi	120 m ³		
-	Nhà lớp học mầm non điểm trường Huổi Hiếu	02 phòng học		
IX	HUYỆN BẮC YÊN		1.183	
1	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Mường Khoa			
-	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bản Pa Nó	100 m ² , 76 hộ		
-	Đường bê tông từ khu 1 đến khu 3 bản Pa Nó (giai đoạn 1)	0,9 km, cấp B		
-	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bản Khọc B	80 m ² , 32 hộ		
-	Đường bê tông trục chính bản Khọc B	1km, cấp B		
2	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Phiêng Ban			
-	Đường bê tông từ TL 112 đến nhóm hộ ông Mùa A Ninh	0,55 km, cấp B		
-	Điện NT khu Phiêng Ban B (cũ)	13 hộ		
-	Đường sản xuất từ điểm trường Suối Ún đến lán nhà ông Dơ	0,8 km, cấp C		
-	Sửa chữa nhà lớp học Bụa B thành nhà văn hóa bản Tam Hợp	130 m ² , 85 hộ		
3	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã thị trấn			
-	Nhà văn hóa bản Mới	120 m ² , 70 hộ		
-	Tuyến đường từ trục đường QL37 - Hồng Ngài lên bề nước Bản Mới.	0,1 km, cấp C		
	Tuyến đường từ nhà văn hóa bản mới đến nhà ông Mùa A Cho.	0,2 km, cấp C		
-	Tuyến đường từ lớp học mầm non bản Mới xuống nhà ông Mùa A Dua điểm cuối	0,2 km, cấp C		

92					CÔNG BÁO SƠN LA/Số 15 + 16/Ngày 31-07-2022		
STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú			
X	HUYỆN VẮN HỒ		1.657				
1	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Chiềng Khoa						
-	Nhà lớp học khu vực bản Chiềng Lè, trường TH-THCS Chiềng Khoa	1T2P, nhà vệ sinh					
2	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Vân Hồ						
-	Hệ thống mương phai bản Pa Cóp						
XI	HUYỆN MAI SƠN		2.367				
1	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Chiềng Chăn						
-	Công trình đường nội bản bản Yên Bình (cầu đường), xã Chiềng Chăn	0,38 km					
-	Công trình đường nội bản Tong Tái B, xã Chiềng Chăn	0,34 km					
-	Công trình đường nội bản Nậm Luông, xã Chiềng Chăn	0,94 km					
-	Công trình nhà văn hóa bản Yên Bình (cầu đường), xã Chiềng Chăn	150 m ²					
-	Công trình nhà văn hóa bản Tong Tái B, xã Chiềng Chăn	150 m ²					
2	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Cò Nòi						
-	Công trình nhà văn hóa Bản Nong Mòn, Cò Nòi	150m ²					
3	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Chiềng Chung						
-	Công trình cầu tràn bản Ít Hò, xã Chiềng Chung	30 m					
-	Công trình nhà văn hóa bản Tường Chung, xã Chiềng Chung	150 m ²					
-	Công trình nhà văn hóa bản Ít Hò	150 m ²					
-	Công trình đường bản Mé đến bản Xam Ta, xã Chiềng Chung	0,94 km					

STT	Huyện	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
-	Công trình đường đi khu sản xuất bản Tường Chung, xã Chiềng Chung	0,37 km		
4	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Mường Bằng			
-	Công trình đường đi khu sản xuất bản Quỳnh Châu, xã Mường Bằng	0,94 km		
5	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Chiềng Mung			
-	Công trình thủy lợi bản Lo, xã Chiềng Mung	7,5 km		
6	Dự án đầu tư CSHT bản ĐBKK xã Nà Bó			
-	Công trình đường đi khu sản xuất bản Kéo Bó, xã Nà Bó	0,94 km		

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 5

Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tiểu dự án 1 Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDT nội trú, trường PTDT bán trú, trường PT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số				Tiểu dự án 2 Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tiểu dự án 2:				Tiểu dự án 3 Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi				Tiểu dự án 4 Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp				Kế hoạch vốn năm 2022			
		Tổng vốn		Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Vốn SN	Tổng vốn	Trong đó		Vốn SN	Tổng vốn	Trong đó		Vốn SN	Tổng vốn	ĐTPT	Vốn SN	Sở LA
		ĐTPT	Vốn SN	ĐTPT	Vốn SN		ĐTPT	Vốn SN			ĐTPT	Vốn SN			ĐTPT	Vốn SN					Sở SN
	Tổng	73.968	55.953	18.015	7.760	7.760	0	7.760	7.760	36.413	0	36.413	9.183	9.183	55.953	71.371	19.423	13.433	2.003	6.500	2.000
I	Cấp tỉnh	62.231	46.031	16.200	7.760	7.760	0	7.760	7.760	20.027	0	20.027	9.183	9.183	46.031	53.120	19.423	13.433	2.003	6.500	2.000
1	Sở Giáo dục & Đào tạo	62.231	46.031	16.200	3.510	3.510		4.250	4.250						46.031	19.423	13.433	2.003	6.500	2.000	2.000
2	Ban Dân tộc				4.250	4.250									0	0	0	0	0	0	0
3	Sở LĐ TB & XH									2.003			2.003		0	0	0	0	0	0	0
4	Trường Cao đẳng Sơn La									6.500			6.500		0	0	0	0	0	0	0
5	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La									2.000			2.000		0	0	0	0	0	0	0
6	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Sơn La									2.000			2.000		0	0	0	0	0	0	0

STT	Đơn vị	Tiểu dự án 1				Tiểu dự án 2				Tiểu dự án 3				Tiểu dự án 4				Kế hoạch vốn năm 2022			
		Tổng vốn		Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó					
		ĐTPT	Vốn SN	ĐTPT	Vốn SN		ĐTPT	Vốn SN		ĐTPT	Vốn SN		ĐTPT	Vốn SN							
7	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La														0						
8	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc																				
9	Hội Nông dân tỉnh																				
10	Liên minh Hợp tác xã tỉnh																				
11	Đoàn TNCS HCM tỉnh																				
II	Các huyện, thành phố	11.737	9.922	1.815	0	0	0	16.386	0	16.386	0	0	0	0	0	0	28.123	9.922	18.201		
1	Huyện Bắc Yên	1.716	1.619	97				966		966				966			2.682	1.619	1.063		
2	Huyện Mai Sơn	0		0				574		574				574			574		1.033		
3	Huyện Mộc Châu	177		177				749		749				749			925		1.544		
4	Huyện Mường La	193		193				611		611				611			804		1.033		
5	Huyện Phù Yên	0		0				1.014		1.014				1.014			1.014		1.014		
6	Huyện Quỳnh Nhai	97		97				2.662		2.662				2.662			2.758		2.758		
7	Huyện Sông Mã	160		160				1.466		1.466				1.466			1.626		1.626		

STT	Đơn vị	Tiểu dự án 1		Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3		Tiểu dự án 4		Kế hoạch vốn năm 2022	CỘNG		
		Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDT nội trú, trường PTDT bán trú, trường PT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số			Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn			Trong đó	
		ĐTPT	Vốn SN			ĐTPT	Vốn SN				ĐTPT	Vốn SN
8	Huyện Sốp Cộp	4.891	4.152	739		1.205			6.096	4.152	1.944	
9	Huyện Thuận Châu	2.374	2.214	160		2.443			4.817	2.214	2.603	
10	Huyện Vân Hồ	97		97		662			759		759	
11	Huyện Yên Châu	2.034	1.937	97		1.761			3.795	1.937	1.858	
12	Thành phố Sơn La	0				2.273			2.273		2.273	

Biểu số 2.5.1

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN 5 NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng						
STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Dự kiến quy mô	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú	
	Tổng số			55.953		CÔNG BÁO SƠN LA/Số 15
I	Cấp tỉnh			46.031		+ 16/Ngày 31-07-2022
1	Trường PTDT nội trú Mường La	TT Mường La, huyện Quỳnh Nhai	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà đa năng; cải tạo, sửa chữa: nhà đa năng cũ thành nhà ăn + nhà bếp, nhà lớp học 2 tầng 8 phòng cũ thành nhà ở bán trú, nhà lớp học 2 tầng 8 phòng điểm trường Lê Quý Đôn); các hạng mục phụ trợ			
2	Trường PTDT nội trú Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng, nhà nội trú học sinh 3 tầng 40 phòng; các hạng mục phụ trợ			
3	Trường PTDT nội trú Thuận Châu	Huyện Thuận Châu	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng, nhà nội trú học sinh 3 tầng 30 phòng, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp			
4	Trường PTDT nội trú Vân Hồ	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà công vụ giáo viên, các hạng mục phụ trợ			
5	Trường PTDT nội trú Sông Mã	TT Sông Mã, huyện Sông Mã	Nhà lớp học 4 tầng 16 phòng, nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng, 02 nhà bán trú học sinh 3 tầng 30 phòng, nhà ăn + bếp 2 tầng 400m ² ; nhà hiệu bộ			
6	Trường PTDT nội trú Yên Châu	TT Yên Châu, huyện Yên Châu	Nhà nội trú học sinh 3 tầng 40 phòng; nhà ăn + nhà bếp; nhà vệ sinh học sinh			

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm đầu tư	Dự kiến quy mô	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
7	Trường THPT Co Ma, huyện Thuận Châu	Xã Co Ma, huyện Thuận Châu	02 nhà bán trú 2 tầng 40 phòng; nhà ăn + nhà bếp 1 tầng = 200 m ² ; nhà vệ sinh + nhà tắm cho học sinh = 50 m ²		
8	Trường THPT Mộc Hạ, huyện Vân Hồ	Xã Tô Múa, huyện Vân Hồ	01 nhà ở bán trú học sinh 2 tầng, 30 phòng; nhà ăn + nhà bếp 1 tầng = 250 m ² ; nhà vệ sinh + nhà tắm cho học sinh = 50 m ²		
II	Các huyện			9.922	
1	Trường THCS Mường Bám, huyện Thuận Châu	Xã Mường Bám, huyện Thuận Châu	Nhà bán trú học sinh 2 tầng 20 phòng; nhà ăn + nhà bếp; các hạng mục phụ trợ		Huyện Thuận Châu
2	Trường PTDT bán trú TH Hang Chú, huyện Bắc Yên	Xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng; các hạng mục phụ trợ.		Huyện Bắc Yên
3	Trường PTDT bán trú THCS Chiềng On, huyện Yên Châu	Xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng; nhà bán trú học sinh 1 tầng 6 phòng; hạng mục phụ trợ		Huyện Yên Châu
4	Trường PTDT bán trú TH và THCS Nậm Lạnh, Sốp Cộp	Xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	02 nhà bán trú học sinh mỗi nhà 2 tầng 20 phòng + khu WC + phụ trợ điểm trường trung tâm và điểm bán Phông		Huyện Sốp Cộp

CỘNG HÒA

XÃ AN

HUYỆN

BẮC YÊN

HUYỆN

YÊN CHÂU

HUYỆN

SỐP CỘP

16/07-2022

Biểu số 2.6

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 6

Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

CÔNG BÁO SỞ LA/Số 15 + 16/Ngày 31-07-2022

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó				
			Vốn đầu tư (Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS)	Tổng	Vốn sự nghiệp		Hỗ trợ trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN
					Hỗ trợ hoạt động cho các đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng DB DTTS & MN	Trong đó	
	Tổng cộng	14.419	8.853	5.561	1.699	1.530	
I	Cấp tỉnh	6.409	4.072	2.332			
II	Cấp huyện	8.010	4.781	3.229	1.699	1.530	
1	Huyện Bắc Yên	312		312	142	170	
2	Huyện Mai Sơn	269		269	142	127	
3	Huyện Mộc Châu	4.923	4.781	142	142		
4	Huyện Mường La	269		269	142	127	
5	Huyện Phù Yên	269		269	142	127	
6	Huyện Quỳnh Nhai	269		269	142	127	
7	Huyện Sông Mã	269		269	142	127	
8	Huyện Sốp Cộp	269		269	142	127	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó			
			Vốn đầu tư (Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS)	Vốn sự nghiệp		
				Tổng	Trong đó	Hỗ trợ trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN
9	Huyện Thuận Châu	269		269	142	127
10	Huyện Vân Hồ	269		269	142	127
11	Huyện Yên Châu	312		312	142	170
12	Thành phố Sơn La	312		312	142	170

Biểu số 2.6.1

**DANH MỤC DỰ ÁN BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TỐT ĐẸP
CỦA CÁC DTTS GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	ĐVT: Triệu đồng	
		Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	Tổng cộng	8.853	
I	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4.072	
1	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS	4.072	
-	Di tích kiến trúc nghệ thuật Tháp Mường Và, bản Mường Và, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp (được xếp hạng di tích quốc gia ngày 24/01/1998)		
II	Các huyện, thành phố	4.781	
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn các làng, bản, ... truyền thống tiêu biểu của các DTTS	4.781	
-	Dự án bảo tồn bản truyền thống dân tộc Mông bản Tà Sồ, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu	-	

Biểu số 2.7

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 7

Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó:	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
	Tổng cộng	6.466	-	6.466
1	Sở Y tế	6.466	-	6.466

Biểu số 2.8

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 8

Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022 (Vốn sự nghiệp)	Ghi chú
	Tổng cộng	15.376	
I	Cấp tỉnh:	7.380	
1	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	7.380	
II	Cấp huyện	7.996	
1	Huyện Bắc Yên	784	
2	Huyện Mai Sơn	678	
3	Huyện Mộc Châu	409	
4	Huyện Mường La	795	
5	Huyện Phù Yên	1.053	
6	Huyện Quỳnh Nhai	291	
7	Huyện Sông Mã	958	
8	Huyện Sốp Cộp	426	
9	Huyện Thuận Châu	1.478	
10	Huyện Vân Hồ	756	
11	Huyện Yên Châu	370	

Biểu số 2.9

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN 9
Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn
(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

104

ĐVT: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 15 + 16/ Ngày 31-07-2022

STT	Đơn vị	Tiểu Dự án 1 Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			Tiểu dự án 2 Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
			ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN	
	Tổng	128.125	74.976	53.149	3.021	-	3.021	131.147	74.977	56.170	
I	Cấp tỉnh	19.494	19.494	-	300	-	300	19.794	19.494	300	
II	Các huyện, thành phố	108.631	55.482	53.149	2.721	-	2.721	111.353	55.483	55.870	
1	Huyện Bắc Yên	3.862		3.862	264		264	4.126		4.126	
2	Huyện Mai Sơn	4.888		4.888	243		243	5.131		5.131	
3	Huyện Mộc Châu	735		735	160		160	895		895	
4	Huyện Mường La	44.196	33.763	10.433	243		243	44.440	33.763	10.677	
5	Huyện Phù Yên	3.118		3.118	307		307	3.426		3.426	
6	Huyện Quỳnh Nhai	10.495	8.231	2.264	142		142	10.638	8.232	2.406	
7	Huyện Sông Mã	8.034		8.034	286		286	8.321		8.321	
8	Huyện Sốp Cộp	2.847		2.847	139		139	2.986		2.986	

Biểu số 2.9

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 9 NĂM 2022

Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	Tổng			74.977	
A	Cấp tỉnh			19.494	
1	Nâng cấp đường nội đồng bản Huổi Hẹ	Xã Nậm Ét	7,0 km		
2	Đường nội đồng bản Ten Che	Xã Mường Sại	7 km		
3	Đường sản xuất bản Tôm (Sàng)	Xã Nậm Ét	7,6 km		
4	Đường nội đồng bản Tôm (Sàng) - Huổi Hẹ	Xã Nậm Ét	9 km + cầu tràn		
5	Đường giao thông bản Nậm Hồng	Xã Chiềng Công	8 km		
6	Đường giao thông bản Pá Hát (Chà Lào)	Xã Pi Toong	13,6 km		
7	Đường từ bản Nong Hùn đến xã Chiềng Công	Xã Chiềng Công	6 km		
8	Đường giao thông liên bản từ trung tâm xã đến bản Long Bong	Xã Hua Trai	8 km		
B	Cấp huyện			55.483	
I	Huyện Mường La			33.763	
1	Đường giao thông bản Huổi Liếng	Xã Nậm Păm	2,5 km		
2	Nhà lớp học bản Lọng Bong (Huổi Nạ)	Xã Hua Trai	80 m ²		
3	Lớp học cắm bản Nong Quài	Xã Chiềng Muôn	300 m ²		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
4	Xây dựng nhà giáo viên tại bản Nong Hùn	Xã Chiềng Công	50 m ²		
5	Xây dựng nhà giáo viên tại bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân	50 m ²		
6	Nhà ở giáo viên bản Huổi Ban	Xã Mường Trai	80 m ²		
7	Thủy lợi bản Huổi Liếng	Xã Nậm Păm	5 ha		
8	Thủy lợi bản Long Bong	Xã Hua Trai	2 ha		
9	Nhà văn hóa bản Long Bong (Huổi Nạ)	Xã Hua Trai	120 m ²		
10	Xây dựng nhà công vụ giáo viên bản Kè, xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	100 m ²		
11	Sửa chữa nâng cấp đường liên bản từ bản Huổi Lẹ đến bản Co Dứa, xã Nậm Giôn huyện Mường La	Xã Nậm Giôn	6 km		
12	Nhà công vụ giáo viên Bản Huổi Lẹ	Xã Nậm Giôn	80 m ²		
13	Thủy lợi bản Huổi Ban	Xã Mường Trai	1 km		
14	Nhà lớp học bản Nậm Hồng	Xã Chiềng Công	170 m ²		
15	Nhà lưu trú giáo viên Bản Nong Quài	Xã Chiềng Muôn	100 m ²		
16	Nhà ở giáo viên bản Long Bong (Huổi Nạ cũ)	Xã Hua Trai	80 m ²		
17	Nâng cấp tuyến đường giao thông bản Nong Quài	Xã Chiềng Muôn	4 km		
18	Nâng cấp thủy lợi Nậm Khoa đến Na co Chom, bản Kè, xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	3 km		
19	Xây mới nhà văn hóa bản Kè	Xã Ngọc Chiến	120 m ²		
20	Xây mới nhà lớp 2 phòng học bản Kè, xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	120 m ²		
21	Sửa chữa, cứng hóa đường giao thông nội bản Huổi Lẹ	Xã Nậm Giôn	3 km		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
22	Cứng hóa đường giao thông nội bản, bản Mòn, xã Tạ Bú	Xã Tạ Bú	1 km		
23	Xây kè, tường bao, sân bê tông nhà văn hóa bản mòn	Xã Tạ Bú	50 m		
24	Xây dựng nhà lớp học bản Huổi Tóng	Xã Chiềng Lao	100 m ²		
25	Lớp học mầm non, tiểu học bản Chà Lào	Xã Pì Toong	100 m ³		
26	Cứng hóa đường giao thông nội bản bản Chà Lào	Xã Pì Toong	1 km		
27	Xây tường bao trường Mầm non bản Chà Lào	Xã Pì Toong	400 m		
28	Nhà lớp học bản Huổi Liếng	Xã Nậm Păm	80 m ²		
29	Nhà ở giáo viên bản Huổi Liếng	Xã Nậm Păm	90 m ²		
30	Cứng hóa đường giao thông lên bản Huổi Hóc	Xã Nậm Păm	1,6 km		
31	Đường giao thông vào bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân	2,5 km		
32	Nhà văn hóa bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân	100 m ²		
33	Cứng hóa đường giao thông nội bản Pá Xá Hồng	Xã Chiềng Ân	1,5 km		
34	Sửa chữa, cứng hóa đường giao thông nông thôn bản co Đứa	Xã Nậm Giôn	2 km		
35	Công trình cầu bản Huổi Ngàn	Xã Nậm Giôn	20 m		
36	Nâng cấp thủy lợi Nong Hùn	Xã Chiềng Công	1 km		
37	Thủy lợi bản Pá Kim	Xã Chiềng Muôn	5 ha		
38	Lớp học cắm bản Pá Kim	Xã Chiềng Muôn	150 m ²		
II	Huyện Quỳnh Nhai			8.231	
1	Nâng cấp đường xuống bên đồ bản Ten Che	Xã Mường Sại	1 km		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
2	Nâng cấp đường giao thông Pha Đảo (Huổi Tăm)	Xã Mường Sại	0,4 km + rãnh		
3	Đường xuống bến đò bản Pha Đảo (Huổi Tăm)	Xã Mường Sại	2,5 km		
4	Đường vào nghĩa địa bản Huổi Hẹ	Xã Nậm Ét	0,4 km		
5	Đường vào nghĩa địa bản Tốm (Sàng)	Xã Nậm Ét	0,4 km		
6	Nhà ở giáo viên bản Huổi Hẹ	Xã Nậm Ét	100 m ²		
7	Nhà lớp học mầm non bản Huổi Hẹ	Xã Nậm Ét	1 phòng		
8	Nhà ở giáo viên bản bản Tốm (Sàng)	Xã Nậm Ét	2 phòng		
9	Đường GTNT bản Huổi Hẹ đến bản Hào	Xã Nậm Ét	1,5 km		
10	Nhà lớp học mầm non bản Tốm (Sàng)	Xã Nậm Ét	2 phòng		
11	Nâng cấp đường vào điểm bản Huổi Hẹ	Xã Nậm Ét	2 km		
	Thuận Châu			13.488	
1	Đường giao thông nội bản Song	Xã Chiềng La	L = 1.600 m		
2	Đường liên bản Hán - bản Nong Lào, xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	2 km đường BTXM rộng 3m, dày 18 cm, công thoát nước, kè bê tông		
3	Đường nội bản Hán	Xã Chiềng Pha	0,7 km đường BTXM rộng 3m, dày 16 cm, công thoát nước, kè bê tông		
4	Đường giao thông nội bản Bó Mạ	Xã Noong Lay	0,31 km		
5	Đường giao thông Huổi Lọng	Xã Noong Lay	km		

STT	Đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
6	Lưới điện sinh hoạt bản Nong Lay	Xã Noong Lay	L = 450 m Cấp điện cho 15 hộ		
7	Lưới điện sinh hoạt bản Nong Giảng	Xã Noong Lay	L = 450 m Cấp điện cho 03 hộ		
8	Lưới điện sinh hoạt bản Huổi Lọng	Xã Noong Lay	54 hộ		
9	Điện sinh hoạt bản Bó Mạ	Xã Noong Lay	37 hộ		
10	Nhà lớp học trường Mầm Non Liệp Tè (02 phòng học, 01 phòng Ban Giám hiệu, 01 phòng y tế)	Xã Liệp Tè	Nhà lớp học 01 tầng 04 phòng		
11	Bếp ăn cho học sinh trường Mầm non Liệp Tè - Bản Hiên	Xã Liệp Tè	60 m ²		
12	Sửa chữa nhà lớp học Mầm non bản Hiên, bản Mòng Nọi	Xã Liệp Tè	04 phòng		
13	Nhà lớp học trường THCS Liệp Tè	Xã Liệp Tè	02 tầng 8 phòng		
14	Nhà lớp học trường Tiểu học Liệp Tè	Xã Liệp Tè	02 tầng 8 phòng		
15	Điện sinh hoạt bản Mòng Luông	Xã Liệp Tè	27 hộ		
16	Điện sinh hoạt bản Ban Xa	Xã Liệp Tè	16 hộ		
17	Điện sinh hoạt bản Bắc	Xã Liệp Tè	8 hộ		
18	Điện sinh hoạt bản Kìa	Xã Liệp Tè	8 hộ		
19	Điện sinh hoạt bản Hiên	Xã Liệp Tè	12 hộ		
20	Điện sinh hoạt bản Tát Ướt	Xã Liệp Tè	21 hộ		
21	Điện sinh hoạt bản Chà Lào	Xã Liệp Tè	5 hộ		

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 THỰC HIỆN ĐẾN AN 10

Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

Kế hoạch vốn năm 2022									
STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó						
			Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3	Vốn đầu tư	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp kinh tế	
			Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình				
	Tổng	19.344	5.232	10.681	1.478	1.953			
A	Cấp tỉnh	15.422	2.093	10.681	1.478	1.120			
1	Ban Dân tộc	14.252	2.093	10.681	1.478				
2	Ban chỉ đạo CTMTQG (Ban Dân tộc)	720							720
3	Các sở, ban ngành tỉnh	450							450

STT	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2022					112
		Tổng số	Trong đó				
			Tiểu dự án 1 Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN	Tiểu dự án 2 Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 3 Kiểm tra, giám sát đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện tổ chức thực hiện Chương trình		
			Sự nghiệp văn hoá thông tin	Vốn đầu tư	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp kinh tế	
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40					40
-	Sở Tài Chính	40					40
-	Sở Nông nghiệp và PTNT	40					40
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	40					40
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	40					40
-	Sở Y tế	40					40
-	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	30					30
-	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	30					30
-	Sở Giao thông vận tải	30					30
-	Sở Thông tin và Truyền thông	30					30

Kế hoạch vốn năm 2022		Trong đó			
STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3
			Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện tổ chức thực hiện Chương trình
			Sự nghiệp văn hoá thông tin	Vốn đầu tư	Sự nghiệp kinh tế
-	Hội Nông dân tỉnh	30			
-	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	30			
-	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	30			
B	Cấp huyện	3.922	3.139		783
1	Huyện Bắc Yên	324	249		55
2	Huyện Mai Sơn	395	326		69
3	Huyện Mộc Châu	265	233		22
4	Huyện Mường La	319	249		71
5	Huyện Phù Yên	521	420		102
6	Huyện Quỳnh Nhai	201	171		30

114		Kế hoạch vốn năm 2022										CỘNG HÒA SƠN LA/Số 15/2022		Ngày 01-07-2022	
STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số	Trong đó				Sự nghiệp văn hoá thông tin	Vốn đầu tư	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp kinh tế					
			Tiểu dự án 1 Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN	Tiểu dự án 2 Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 3 Kiểm tra, giám sát đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện tổ chức thực hiện Chương trình										
7	Huyện Sông Mã	387				295									
8	Huyện Sốp Cộp	160				124									
9	Huyện Thuận Châu	591				451									
10	Huyện Thành phố	183				170									
11	Huyện Vân Hồ	282				218									
12	Huyện Yên Châu	294				233									

Biểu số 2.11

BIỂU TỔNG HỢP VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ VỐN ĐÓI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG
BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022 CHI TIẾT THEO TỪNG LĨNH VỰC CHI

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục	Chia ra các Dự án, tiểu dự án					Sự nghiệp y tế	Chia ra các Dự án, tiểu dự án				Sự nghiệp văn hoá thông tin	Chia ra các Dự án, tiểu dự án				Trọng số	
				Dự án 1	Dự án 5	Trong đó				Dự án 3 - Tiểu dự án 2	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9 - Tiểu dự án 1		Dự án 6	Dự án 9 - Tiểu dự án 1	Dự án 10	Tiểu dự án 2		
						Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3												Tiểu dự án 4
	Tổng cộng	348.170																		
A	Phân bổ nguồn NSTW	331.590	79.618	8.247	71.371	18.015	7.760	36.413	9.183	15.979	2.805	6.466	2.255	4.453	5.561	1.942	6.710	5.232	1.478	
I	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100.450	53.170	-	53.170	16.200	7.760	20.027	9.183	8.721	-	6.466	2.255	-	2.332	-	3.571	2.093	1.478	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4.204	-		-					-							-			
2	Ban Dân tộc tỉnh	18.024	13.433		13.433		4250		9.183	-							3.571	2.093	1.478	
3	Sở Tài chính	40	-		-					-							-			
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	16.523	-		-					-							-			
5	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2.043	2.003		2.003			2.003		-							-			
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	19.750	19.710		19.710	16.200	3.510			-							-			
7	Sở Y tế	6.506	-		-					6.466		6.466					-			
8	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	2.362	-		-					-					2.332	2.332	-			
9	Sở Thông tin và truyền thông	30	-		-					-							-			
10	Sở Giao thông vận tải	30	-		-					-							-			
11	Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	30	-		-					-							-			
12	Liên minh Hợp tác xã VN tỉnh	2.612	500		500			500		-							-			
13	Hội Nông dân tỉnh	8.561	5.200		5.200			5.200		-							-			
14	Hội Liên hiệp phụ nữ	7.410	-		-					2.255			2.255				-			
15	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	500	500		500			500											11	

[illegible]

Biểu số 2.11 (nối tiếp)
BIỂU TỔNG HỢP VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG
BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022 CHI TIẾT THEO TỪNG LĨNH VỰC CHI
(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	Chia ra các Dự án, tiểu dự án										Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chia ra các Dự án, tiểu dự án		Dự án 8
					Dự án 1	Dự án 3	Trong đó		Dự án 4	Dự án 8	Dự án 9	Trong đó		Dự án 10 - Tiểu dự án 3				
							Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2					
	Tổng cộng	348.170																
A	Phân bổ nguồn NSTW	331.590		209.918	4.251	129.997	88.354	41.643	15.585	8.357	49.775	46.754	3.021	1.953	11.862	7.098	4.764	
I	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100.450		32.656	-	26.061	11.486	14.575	-	5.125	300	-	300	1.170	-	-		
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4.204		4.204		4.164		4.164			-			40	-			
2	Ban Dân tộc tỉnh	18.024		1.020							300		300	720	-			
3	Sở Tài chính	40		40										40	-			
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	16.523		16.523		16.483	11.486	4.997			-			40	-			
5	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2.043		40							-			40	-			
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	19.750		40							-			40	-			
7	Sở Y tế	6.506		40							-			40	-			
8	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	2.362		30										30	-			
9	Sở Thông tin và truyền thông	30		30										30	-			
10	Sở Giao thông vận tải	30		30										30	-			
11	Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	30		30										30	-			
12	Liên minh Hợp tác xã VN tỉnh	2.612		2.112		2.082		2.082			-			30	-			
13	Hội Nông dân tỉnh	8.561		3.361		3.331		3.331			-			30	-			
14	Hội Liên hiệp phụ nữ	7.410		5.155		-				5.125	-			30	-			
15	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	500															117	

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	Chia ra các Dự án, tiểu dự án										Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chia ra các Dự án, tiểu dự án		Dự án 8	Dự án 9	Trong đó		Dự án 10 - Tiểu dự án 3
					Dự án 1	Dự án 3	Trong đó		Dự án 4	Dự án 8	Dự án 9	Trong đó										
							Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2									
	Tổng cộng	348.170																				
A	Phân bổ nguồn NSTW	331.590		209.918	4.251	129.997	88.354	41.643	15.585	8.357	49.775	46.754	3.021	1.953	11.862	7.098						
I	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100.450		32.656	-	26.061	11.486	14.575	-	5.125	300	-	300	1.170	-	-						
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4.204		4.204		4.164		4.164			-			40	-	-						
2	Ban Dân tộc tỉnh	18.024		1.020							300		300	720	-	-						
3	Sở Tài chính	40		40										40	-	-						
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	16.523		16.523		16.483	11.486	4.997			-			40	-	-						
5	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2.043		40							-			40	-	-						
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	19.750		40							-			40	-	-						
7	Sở Y tế	6.506		40							-			40	-	-						
8	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	2.362		30										30	-	-						
9	Sở Thông tin và truyền thông	30		30										30	-	-						
10	Sở Giao thông vận tải	30		30										30	-	-						
11	Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	30		30										30	-	-						
12	Liên minh Hợp tác xã VN tỉnh	2.612		2.112		2.082		2.082			-			30	-	-						
13	Hội Nông dân tỉnh	8.561		3.361		3.331		3.331			-			30	-	-						
14	Hội Liên hiệp phụ nữ	7.410		5.155		-				5.125	-			30	-	-						
15	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	500																				

117

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	Chia ra các Dự án, tiểu dự án										Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chia ra các dự án, tiểu dự án		Dự án 8
					Dự án 1	Dự án 3	Trong đó		Dự án 4	Dự án 8	Dự án 9	Trong đó		Dự án 10 - Tiểu dự án 3		Dự án 1	Dự án 2	
							Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2					
16	Trường Cao đẳng Sơn La	6.500		-		-												
17	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La	2.000																
18	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Sơn La	2.000																
19	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La	700																
20	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	624																
II	Huyện, thành phố	231.140		177.262	4.251	103.936	76.868	27.068	15.585	3.232	49.475	46.754	2.721	783	11.862	7.098	4.764	
1	Bắc Yên	22.665		18.671	117	13.178	10.557	2.622	1.322	317	3.661	3.397	264	75	1.133	666	667	
2	Mai Sơn	19.581		15.030	189	8.718	6.480	2.238	1.238	274	4.543	4.300	243	69	1.509	1.105	944	
3	Mộc Châu	8.430		5.308	186	3.353	2.101	1.252	765	165	806	646	160	32	933	689	1.144	
4	Mường La	22.081		17.231	177	5.900	3.265	2.635	1.340	321	9.421	9.178	243	71	1.306	832	474	
5	Phù Yên	20.124		15.929	1.338	8.736	5.192	3.543	2.277	426	3.050	2.743	307	102	1.316	689	627	
6	Quỳnh Nhai	11.420		7.396	339	4.285	3.329	956	491	118	2.134	1.992	142	30	349	176	978	
7	Sông Mã	33.420		27.684	132	17.817	14.620	3.197	1.901	387	7.354	7.068	286	92	1.500	929	570	
8	Sốp Cộp	20.492		17.558	321	13.287	11.898	1.389	1.099	172	2.643	2.505	139	35	254	-	294	
9	Thuận Châu	34.505		27.680	9	15.173	10.237	4.936	2.493	598	9.267	8.858	410	140	1.533	652	681	
10	Văn Hồ	17.176		11.361	360	8.293	5.969	2.324	1.275	306	1.063	839	224	64	1.005	555	450	
11	Yên Châu	17.579		12.501	270	5.195	3.219	1.976	1.383	149	5.443	5.229	214	61	1.025	805	720	
12	Thành phố	3.668		913	813	-			-		88		88	12	-	-	-	
B	Đổi ứng ngân sách địa phương	16.580																
I	Ngân sách tỉnh (5%)	5.023																
1	Sự nghiệp giáo dục	2.659																
2	Sự nghiệp kinh tế	1.633																
3	Chi khác ngân sách	731																
II	Ngân sách huyện (5%)	11.557																

CÔNG BẢO ĐƠN ASSO 01/17/2022

Biểu số 3.1

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó		Ghi chú
			Vốn năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
	Tổng số	291.840	241.670	50.170	Có Phụ lục số 3.1.1 danh mục dự án kèm theo
1	Huyện Bắc Yên	24.023	23.180	843	
2	Huyện Phù Yên	37.667	31.765	5.902	
3	Huyện Mộc Châu	18.719	9.444	9.275	
4	Huyện Vân Hồ	21.440	20.175	1.265	
5	Huyện Yên Châu	20.573	18.887	1.686	
6	Huyện Mai Sơn	31.589	21.892	9.697	
7	Huyện Sông Mã	29.174	28.331	843	
8	Huyện Sốp Cộp	12.004	11.160	844	
9	Huyện Thuận Châu	47.984	42.925	5.059	
10	Huyện Quỳnh Nhai	21.256	9.873	11.383	
11	Huyện Mường La	23.157	21.892	1.265	
12	Thành phố Sơn La	4.254	2.146	2.108	

Biểu số 3.1.1

DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

120

ĐVT: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 15 + 16/Ngày 31-07-2022

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3		4	5	6
	TỔNG SỐ		291.840	241.670	50.170	
I	HUYỆN QUỲNH NHAI		21.256	9.873	11.383	
1	Xã Mường Giôn					
-	Thủy lợi bản Ta Lăm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn			x	
-	Công trình thủy lợi bản Huổi Mặn (nhóm Pá Mặn, Huổi Mặn)	Xã Mường Giôn			x	
-	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới thêm thủy lợi bản Xa	Xã Mường Giôn			x	
-	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Cha Có xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn		x		
2	Xã Chiềng Khay					
-	Nhà lớp học mầm non 1 T2P bản Nậm Tấu xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay		x		
-	Nhà lớp học tiểu học bản Pá Pó	Xã Chiềng Khay		x		
-	Nâng cấp, sửa chữa Nước Sinh Hoạt bản có Nọi xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
3	Xã Cà Nàng					
-	Nâng cấp Nước Sinh Hoạt bản Cà Nàng xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	x			
-	Nâng cấp Nước Sinh bản Hoạt Lò Củ (Điểm Nậm Lò) xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	x			
-	Nâng cấp Nước Sinh bản Hoạt Pho Pha (Điểm Huổi Pho) xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	x			
4	Xã Mường Sại					
-	Nâng cấp, sửa chữa Sinh Hoạt Pha Giáo (Điểm bản Nà Phi) xã Mường Sại	Xã Mường Sại	x			
5	Xã Nậm Ét					
-	Nâng cấp, sửa chữa Nước Sinh Hoạt bản Cà Póng xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét	x			
-	Nâng cấp sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Giảng Ún xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét	x			
6	XÃ CHIỀNG ƠN					
-	Đầu tư một phòng học mới điểm TĐC Lóm Lầu	Xã Chiềng ƠN		x		
-	Chỉnh trang khu trung tâm xã Chiềng ƠN			x		
7	Xã Pá Ma Pha Khinh					
-	Thủy lợi bản Khứm xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá Ma Pha Khinh		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Xây dựng Mối Hai kênh Mường Lọng Hu - Na Khá	Xã Pá Ma Pha Khinh		x		
-	Nâng cấp sửa chữa Kênh Mường bản Kịch Máng	Xã Pá Ma Pha Khinh		x		
-	Sân vận động xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá Ma Pha Khinh		x		
-	Nâng cấp, sửa chữa Sinh Hoạt bản Khướm xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá ma Pha Khinh		x		
8	Xã Mường Giàng					
-	Thủy lợi: Kênh mương tưới, tiêu khu ruộng 1 vụ Huổi Bật bản Hua Chai (bản Co Chai cũ)	Xã Mường Giàng	x			
-	Thủy lợi: Kênh mương khu ruộng 2 vụ Na Con Chĩa bản Hua Chai (bản Co Chai cũ)	Xã Mường Giàng	x			
-	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Đán Đanh (bản Hốc cũ)	Xã Mường Giàng	x			
9	Xã Mường Chiên					
-	Sửa chữa nâng cấp chợ phiên	Xã Mường Chiên		x		
10	Xã Chiềng Khoang					
-	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Khoang xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	x			
II	HUYỆN MUỜNG LA		23.157	21.892	1.265	

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
1	Xã Mường Chùm					
-	Sửa chữa nâng cấp công trình Nước sinh hoạt bản Mường Kham	Bản Mường Kham		x		
2	Xã Mường Bú					
-	Nước sinh hoạt bản Bằng Phốt	Bản Bằng Phốt		x		
-	Sửa chữa điểm trường bản Bó Cóp	Bản Bó Cóp	x			
3	Xã Ngọc Chiến					
-	Nhà văn hóa bản Nậm Nghiệp	Bản Nậm Nghiệp	x			
4	Xã Nậm Păm					
-	Nhà văn hóa bản Hua Nậm	Bản Hua Nậm	x			
5	Xã Chiềng Hoa					
-	Sửa chữa cầu treo bản Mường Pía	Bản Mường Pía	x			
6	Xã Tạ Bú					
-	Nhà văn hóa bản Tạ Búng	Bản Tạ Búng	x			
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Tôm	Bản Tôm	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
7	Xã Chiềng Ân					
-	Thủy lợi Tạ Lạ	Bản Tạ Lạ	x			
8	Xã Chiềng Công					
-	Sửa chữa tuyến đường từ trung tâm xã vào 5 bản (Nậm Hồng, Kho Lao Trên, Tóc Tát Trên, Tóc Tát Dưới, Hán Cá Thịnh)	Xã Chiềng Công	x			
9	Xã Chiềng Muôn					
-	Thủy lợi Hua Đán	Bản Hua Đán	x			
10	Xã Pi Toong					
-	Nhà văn hóa bản Tong	Bản Tong	x			
11	Xã Hua Trai					
-	Nhà văn hóa bản Đông Khít	Bản Đông Khít	x			
12	Xã Chiềng Lao					
-	Sửa chữa nhà văn hóa Nà Léch	Bản Nà Léch	x			
-	Nhà văn hóa bản Phiêng Cại + Huổi Păng	Bản Phiêng Cại + Huổi Păng	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
13	Xã Nậm Giôn					
-	Nước sinh hoạt bản Nậm Cùm	Bản Nậm Cùm	x			
-	Sửa chữa nhà lớp học bản Huổi Chèo	Bản Huổi Chèo	x			
-	Nước sinh hoạt bản Huổi Pươi	Bản Huổi Pươi	x			
14	Xã Chiềng San					
-	Sửa chữa thủy lợi bản Nong Luông	Bản Nong Luông	x			
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Lâm	Bản Lâm	x			
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Chiến	Bản Chiến	x			
III	HUYỆN SÓP CỘP		12.004	11.161	843	
1	Xã Sốp Cộp					
-	Đường áp phan khu trung tâm hành chính huyện (khu Nà Phe, khu trung tâm chợ, ...)	Xã Sốp Cộp		x		
-	Nhà văn hóa bản Hua Mường, xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp		x		
-	Nhà văn hóa bản Pá Hóc, xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
2	Xã Mường Lạn					
-	Thủy lợi Phai Nà Phụ bản Nà Ân xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp		x			
-	Nước sinh hoạt bản Nậm Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Xã Mường Lạn	x			
3	Xã Mường Và					
-	Nước sinh hoạt bản Púng Páng xã Mường và, huyện Sốp Cộp	Xã Mường và	x			
4	Xã Dòom Cang					
-	Nước sinh hoạt bản Huổi Yên, xã Dòom Cang	Xã Dòom Cang			x	
IV	THÀNH PHỐ SƠN LA		4.254	2.146	2.108	
1	Xã Chiềng Cọ					
-	Đường đi vào khu sản xuất tập trung bản Muông, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ	x			
-	Thủy lợi, kênh mương bản Hùn (giai đoạn 2), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ	x			
-	Thủy lợi, kênh mương bản Hóm (giai đoạn 2), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ	x			
2	Xã Chiềng Đen					
-	Đường giao thông trục bản Giáng, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Đường giao thông trục bản Bôm Nam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen		x		
-	Đường giao thông ngõ bản Phiêng Tam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen		x		
-	Đường giao thông ngõ bản Pàng, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen		x		
-	Đường giao thông ngõ bản Nam Niệu, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen		x		
-	Đường giao thông ngõ bản Phiêng Nghè, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen		x		
3	Xã Hua La					
-	Đường giao thông trục bản Sàng (giai đoạn 3), xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La		x		
-	Đường giao thông trục bản Nẹ Tở, xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La		x		
-	Đường giao thông trục bản Nam, xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La		x		
-	Đường giao thông trục bản San (giai đoạn 2), xã Hua La, thành phố Sơn La	Xã Hua La		x		
4	Xã Chiềng Xôm					
-	Hệ thống mương thủy lợi bản Tông - bản Hùm, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Xôm	x			
-	Hệ thống mương tưới tiêu bản Sắng, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Xôm	x			
-	Đập thủy lợi bản Ái, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Xôm	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
V	HUYỆN MAI SƠN		31.589	21.892	9.697	
1	Xã Mường Bằng					
-	Trường TH - THCS Mường Bằng. Hạng mục: Nhà chức năng + lớp học 8P	Xã Mường Bằng			x	
2	Xã Chiềng Mung					
-	Nhà văn hóa xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung			x	
-	Kênh mương bản Lo	Xã Chiềng Mung			x	
-	Kênh mương bản Xum	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa bản Nà Hạ 2	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa thôn 6	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa thôn Đoàn Kết	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa bản Lầu	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa bản Xum	Xã Chiềng Mung			x	
-	Nhà văn hóa tiểu khu Nà Sản	Xã Chiềng Mung			x	
-	Đường nội bản Nà Sang	Xã Chiềng Mung			x	

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Đường nội bản Bôm Cưa	Xã Chiềng Mung		x		
-	Đường nội bản Đúc Hản	Xã Chiềng Mung		x		
-	Đường nội bản Phát	Xã Chiềng Mung		x		
-	Đường nội bản Nà Hạ	Xã Chiềng Mung		x		
-	Đường nội bản tiểu khu Nà Sán	Xã Chiềng Mung		x		
-	Kênh mương bản Bôm Cưa, xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung		x		
3	Xã Mường Chanh					
-	Nhà văn hóa bản Đen	Xã Mường Chanh		x		
4	Xã Tà Hộc					
-	Nước sinh hoạt trung tâm xã	Xã Tà Hộc	x			
5	Xã Phiêng Pản					
-	Trường mầm non Phiêng Pản điểm trường Pá Nó	Xã Phiêng Pản	x			
-	Nhà văn hóa bản Kết Hay	Xã Phiêng Pản	x			
-	Đường nội bản Nà Pồng	Xã Phiêng Pản	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
6	Xã Phiêng Cầm					
-	Nhà văn hóa bản Nong Tàu Móng	Xã Phiêng Cầm	x			
-	Nhà văn hóa bản Huổi Thùng	Xã Phiêng Cầm	x			
7	Xã Chiềng Kheo					
-	Trường mầm non Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo	x			
8	Xã Chiềng Ve					
-	Trường TH-THCS Chiềng Ve điểm bản Khiềng	Xã Chiềng Ve	x			
9	Xã Nà Ót					
-	Đường nội bản Xà Vít	Xã Nà Ót	x			
-	Đường nội bản Lũng Cuông	Xã Nà Ót	x			
10	Xã Chiềng Nời					
-	Nhà văn hóa bản Huổi Do	Xã Chiềng Nời	x			
-	Nhà văn hóa bản Cho Cong	Xã Chiềng Nời	x			
-	Nhà văn hóa bản Nhụng Trên	Xã Chiềng Nời	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
11	Xã Chiềng Lương					
-	Trường mầm non Chiềng Lương, điểm trường trung tâm	Xã Chiềng Lương	x			
12	Xã Chiềng Mai					
-	Đường đến bản Puồn Vạy	Bản Puồn Vạy, xã Chiềng Mai	x			
-	Đường nội bản Quỳnh Cơi	Bản Quỳnh Cơi	x			
-	Kênh tưới tiêu bản Vứt	Bản Vứt	x			
13	Xã Chiềng Dong					
-	Mường phai bản Khoáng Biên	Xã Chiềng Dong	x			
-	Mường phai bản Khoang	Xã Chiềng Dong	x			
14	Công trình điện cho các hộ sử dụng không an toàn tại các xã			x	x	
VI	HUYỆN MỘC CHÂU		18.719	9.444	9.275	
1	Xã Tân Hợp					
-	Nhà văn hóa xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp	x			
-	Nhà văn hóa bản Nà Mường, xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3		4	5	6
-	Nhà hiệu bộ Trường PTDT BT Tiểu học & THCS xã Tân Hợp	Xã ân Hợp		x		
-	Đường giao thông bản Nà Sánh đến Sao Tua, xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp		x		
2	Xã Tà Lại					
-	Đường giao thông liên bản Tháng 5 - Nong Cụt, xã Tà Lại	Xã Tà Lại		x		
-	Đường giao thông nội bản TĐC Suối Tôn, xã Tà Lại	Xã Tà Lại		x		
3	Xã Chiềng Khừa					
-	Đường giao thông bản Phách - Bản Trọng, xã Chiềng Khừa	Xã Chiềng Khừa		x		
4	Xã Đông Sang					
-	Nhà văn hóa bản Búa, xã Đông Sang	Xã Đông Sang			x	
-	Nhà văn hóa bản Tự Nhiên, xã Đông Sang	Xã Đông Sang			x	
5	Xã Mường Sang					
-	Nhà văn hóa bản Nà Bó 2, xã Mường Sang	Xã Mường Sang			x	
6	Xã Tân Lập					
-	Phòng học bộ môn và phòng chức năng trường TH & THCS Nà Tân	Xã Tân Lập			x	

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
7	Xã Chiềng Hắc					
-	Nhà Hiệu bộ, phòng học bộ môn trường TH & THCS Chiềng Hắc	Xã Chiềng Hắc		x		
8	Xã Phiêng Luông					
-	Trường mầm non Phiêng Luông: Nhà GDĐT + GDNT trường Mầm non Phiêng Luông	Xã Phiêng Luông		x		
9	Xã Lóng Sập					
-	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản TĐC Mường Bó, xã Lóng Sập	Xã Lóng Sập		x		
10	Xã Nà Mường					
-	Điện cụm dân cư bản Tân Ca, xã Nà Mường	Xã Nà Mường		x		
11	Xã Chiềng Sơn					
-	Đường giao thông nội đồng bản Suối Thín	Xã Chiềng Sơn		x		
VII	HUYỆN YÊN CHÂU		20.573	18.887	1.686	
1	Xã Sập Vạt					
-	Nhà văn hoá bản Bất Đông	Bản Bất Đông, xã Sập Vạt		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Sấp Vạt	Xã Sấp Vạt	x			
-	Nhà văn hoá bản Na Pa	Bản Na Pa, xã Sấp Vạt	x			
-	Công trình nước sinh hoạt bản Pá Sang	Bản Pá Sang, xã Sấp Vạt	x			
-	Công trình nước sinh hoạt bản Nhúng	Bản Nhúng, xã Sấp Vạt	x			
2	Xã Lóng Phiêng					
-	Nhà văn hoá bản Tô Buông	Bản Tô Buông, xã Lóng Phiêng	x			
-	Nhà văn hoá bản Pa Sa	Bản Pa Sa, xã Lóng Phiêng	x			
-	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Lóng Phiêng	Lóng Phiêng	x			
3	Xã Yên Sơn					
-	Nhà văn hoá Kim Sơn II	Bản Kim Sơn II, xã Yên Sơn	x			
-	Nhà văn hoá bản Chiềng Yên	Bản Chiềng Yên, xã Yên Sơn	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
4	Xã Chiềng Hặc					
-	Trường THCS Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	x			
5	Xã Tú Nang					
-	Nhà văn hoá bản Suối Phà	Bản Suối Phà, xã Tú Nang	x			
6	Xã Phiêng Khoài					
-	Nhà Văn hoá bản Kim Chung 1 xã Phiêng Khoài	Bản Kim Chung 1, xã Phiêng Khoài	x			
-	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	x			
7	Xã Chiềng Tương					
-	Nhà Văn hoá bản Pa Kha 2 xã Chiềng Tương	Bản Pa Kha 2, xã Chiềng Tương	x			
8	Xã Mường Lựm					
-	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Mường Lựm	Mường Lựm	x			
9	Xã Chiềng Khoi					

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Nhà Văn hoá xã Chiềng Khoi	Xã Chiềng Khoi		x		
-	Nhà Văn hoá bản Ngàong Xã Chiềng Khoi	Bản Ngàong, xã Chiềng Khoi		x		
10	Xã Viêng Lán					
-	Nhà văn hoá Bản Kho Vàng xã Viêng Lán	Bản Kho Vàng, xã Viêng Lán		x		
11	Xã Chiềng Păn					
-	Nhà Văn hoá bản Chiềng Thi	Bản Chiềng Thi, xã Chiềng Păn		x		
12	Xã Chiềng Sàng					
-	Nhà Văn hoá bản Chiềng Sàng	Bản Chiềng Sàng, xã Chiềng Sàng		x		
-	Cầu bản Mai ngập - Suối phóng	Xã Chiềng Sàng		x		
-	Điện chiếu sáng xã Chiềng Sàng	Xã Chiềng Sàng		x		
VIII	HUYỆN PHÙ YÊN		37.667	31.765	5.902	
1	Xã Tường Thượng					

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Nhà văn hóa bản Đồng La	Xã Tường Thượng	x			
-	Nhà văn hóa bản Cha	Xã Tường Thượng	x			
-	Nhà văn hóa bản Khoa 1	Xã Tường Thượng	x			
-	Nhà văn hóa bản Thon	Xã Tường Thượng	x			
-	Nâng cấp Nhà văn hóa bản Cái	Xã Tường Thượng	x			
-	Đường nội Bản Khoa 2 (đi Kim Bon)	Xã Tường Thượng	x			
2	Xã Mường Thái					
-	Trường mầm non bản Suối Tàu	Xã Mường Thái	x			
-	Nhà văn hóa bản Văn Phúc Yên	Xã Mường Thái	x			
3	Xã Huy Tường					
-	Đường vào trường tiểu học Huy Tường	Xã Huy Tường	x			
-	Nhà văn hóa bản Tiến Phong	Xã Huy Tường	x			
4	Xã Bắc Phong					
-	Cấp nước sinh hoạt từ suối Cối đến bản Bua Đa, xã Bắc Phong	Xã Bắc Phong	x			

58

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 31-07-2022

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
5	Xã Tường Tiến					
-	Sửa chữa điểm trường bản Cột Móc trường MN Thủy Tiên xã Tường Tiến	Xã Tường Tiến	x			
-	Cấp nước sinh hoạt bản Pa, xã Tường Tiến	Xã Tường Tiến	x			
6	Xã Suối Bau					
-	Nước sinh hoạt bản Suối Cáy, Suối Hiền	Xã Suối Bau	x			
7	Xã Tường Phù					
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường TH&THCS Tường Phù	Xã Tường Phù		x		
-	Xây dựng chợ xã Tường Phù	Xã Tường Phù		x		
8	Xã Tân Lang					
-	Trường mầm non bản Mỏ	Xã Tân Lang	x			
-	Nâng cấp, sửa chữa trường Mầm non bản Cà	Xã Tân Lang	x			
-	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học bản Cà	Xã Tân Lang	x			
-	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa bản Đu Lan	Xã Tân Lang	x			
9	Xã Mường Cơi					

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Nhà văn hoá bản Nghĩa Hưng	Xã Mường Cơi		x		
10	Xã Huy Thượng					
-	Xây dựng đường giao thông liên bản: bản Ban - bản Tân Ban - bản Núi Hồng	Xã Huy Thượng	x			
-	Đường vào trường THCS Huy Thượng	Xã Huy Thượng	x			
	Nhà văn hóa bản Ban	Xã Huy Thượng		x		
	Nhà văn hóa bản núi hồng	Xã Huy Thượng		x		
11	Xã Huy Bắc					
-	Đường Bản Tọ Thượng - Bản Sáy Tu	Xã Huy Bắc		x		
12	Xã Huy Tân					
-	Nhà văn hóa bản Puồi 2	Xã Huy Tân		x		
-	Nhà văn hóa bản Cù 1	Xã Huy Tân		x		
-	Nhà văn hóa bản Cù 2	Xã Huy Tân		x		
-	Nhà văn hóa bản Kim Phong	Xã Huy Tân		x		
IX	HUYỆN VÂN HỒ		21.440	20.175	1.265	

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
1	Xã Chiềng Xuân					
-	Sửa chữa nước sinh hoạt Khò Hồng	Xã Chiềng Xuân	x			
2	Xã Suối Bàng					
-	Nâng cấp, bổ sung bể chứa, đầu mối bản Khoang Tuồng, xã Suối Bàng	Xã Suối Bàng	x			
3	Xã Lóng Luông					
-	Nhà lớp học 1T2P điểm trường Tiểu học bản Lóng Luông	Xã Lóng Luông	x			
4	Xã Chiềng Yên					
-	Nhà bán trú học sinh trường TH&THCS	Xã Chiềng Yên	x			
5	Xã Tân Xuân					
-	Nhà lớp học 1T3P điểm trường Tiểu học bản Láy	Xã Tân Xuân	x			
6	Xã Xuân Nha					
-	Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng của Điểm trường mầm non bản Pù lầu	Xã Xuân Nha	x			
7	Xã Liên Hòa					
-	Nhà lớp học 1T3P điểm trường TH Suối Nậu	Xã Liên Hòa	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
8	Xã Song Khủa					
-	Nhà lớp học 2T4P điểm trường tiểu học trung tâm	Xã Song Khủa	x			
9	Xã Mường Men					
-	Nhà văn hóa xã Mường Men	Xã Mường Men	x			
10	Xã Mường Tè					
-	Hệ thống tường bao xung quanh UBND xã	Xã Mường Tè	x			
11	Xã Vân Hồ					
-	Nhà văn hóa xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ		x		
12	Xã Song Khủa					
-	Xây dựng nhà bia tưởng niệm di tích lịch sử khu căn cứ tỉnh đội bản Tà Lắc	Xã Song Khủa	x			
X	HUYỆN THUẬN CHÂU		47.984	42.924	5.060	
1	Xã Tông Cọ					
-	Cầu cạn Tin Nôm bản Lè	Xã Tông Cọ	x			
-	Nước sinh hoạt bản Phé	Xã Tông Cọ	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3		4	5	6
2	Xã Pá Lông					
-	Đường vào bản Tĩa	Xã Pá Lông		x		
3	Xã Phổng Lãng					
-	Đường nội đồng bản Còng	Xã Phổng Lãng		x		
-	Nhà lớp học 2T8P trường TH-THCS Phổng Lãng (điểm TH)	Xã Phổng Lãng		x		
4	Xã Bó Mười					
-	Sửa chữa thủy lợi phai Hán, bản Tra, xã Bó Mười	Xã Bó Mười		x		
5	Xã Chiềng Pha					
-	Nhà lớp học trường MN Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha		x		
6	Xã Chiềng Ly					
-	Nhà lớp học 2T8P trường TH Chiềng Ly	Xã Chiềng Ly			x	
7	Xã Co Mạ					
-	Nhà lớp học trường TH Co Mạ 1	Xã Co Mạ				
8	Xã É Tổng					
				x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Nhà lớp học trường MN Ế Tông	Xã Ế Tông	x			
9	Xã Mường Bám		x			
-	Nhà lớp học 2T8P trường TH Mường Bám 2	Xã Mường Bám	x			
10	Xã Long Hẹ		x			
-	Nhà lớp học 1T2P trường mầm non Long Hẹ	Xã Long Hẹ	x			
11	Xã Thôm Mòn					
-	Nhà lớp học 2T10P trường TH-THCS Thôm Mòn	Xã Thôm Mòn		x		
12	Xã Chiềng Ngăm					
-	Nhà lớp học 2T6P trường THCS Chiềng Ngăm	Xã Chiềng Ngăm	x			
13	Xã Nậm Lầu					
-	Nhà lớp học 2T6P trường THCS Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu	x			
14	Xã Co Tông					
-	Nhà văn hóa bản Co Cài	Xã Co Tông	x			
15	Xã Muối Nội					

44

44

CUONG DAO SON LA/Số 10/ ngày 31-07-2022

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Nhà văn hóa bản Muối Nọi A	Xã Muối Nọi	x			
-	Quy hoạch nông thôn xã	Xã Muối Nọi	x			
16	Xã Mường É					
-	Nhà văn hóa xã Mường É	Xã Mường É	x			
17	Xã Noong Lay					
-	Nhà văn hóa bản Cửa Hàng	Xã Noong Lay	x			
-	Nâng cấp nhà văn hóa Liên Minh	Xã Noong Lay	x			
-	Quy hoạch nông thôn xã	Xã Noong Lay	x			
18	Xã Chiềng Pắc					
-	Nhà văn hóa bản Linh Luông	Xã Chiềng Pắc	x			
-	Quy hoạch nông thôn xã	Xã Chiềng Pắc	x			
19	Xã Chiềng Bôm					
-	Nhà văn hóa bản Lái	Xã Chiềng Bôm	x			
-	Nhà văn hóa bản Pom Khoảng	Xã Chiềng Bôm	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
20	Xã Púng Tra					
-	Nhà văn hóa xã Púng Tra	Xã Púng Tra	x			
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nà Mát (cũ)	Xã Púng Tra	x			
21	Xã Mường Khiêng					
-	Nhà văn hóa xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng	x			
22	Xã Liệp Tè					
-	Trạm y tế xã Liệp Tè (nhà lưu bệnh nhân)	Xã Liệp Tè	x			
23	Xã Chiềng La					
-	Nước sinh hoạt bản Cát Lót (điểm bản Cát)	Xã Chiềng La	x			
24	Xã Bản Lầm					
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Dắt	Xã Bản Lầm	x			
25	Xã Phổng Lập					
-	Sửa chữa nước sinh hoạt Mầu Thái, Mầu Xá	Xã Phổng Lập	x			
26	Xã Bon Phặng					

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
-	Sửa chữa Nước sinh hoạt bản Trai	Xã Bon Phặng	x			
-	Quy hoạch nông thôn xã	Xã Bon Phặng	x			
27	Xã Phổng Lái					
-	Đường vào bản Lái Kính, bản Cang	Xã Phổng Lái		x		
28	Xã Tông Lạnh					
-	Mương nội đồng bản Cuông Mường	Xã Tông Lạnh		x		
XI	HUYỆN BẮC YÊN		24.023	23.180	843	
1	Xã Hồng Ngải					
-	Nhà Văn hóa bản Đung Giăng sau sáp nhập	Bản Đung Giăng		x		
2	Xã Pắc Ngà					
-	Đường bê tông Nà Sài - bản Áng	Nà Sài - Bản Áng		x		
3	Xã Phiêng Côn					
-	Đổ bê tông đường đi vào nhóm hộ suối Tăng của bản En GDII	Bản En		x		
-	Đường trục chính bản Kỳ Sơn (giai đoạn 4)	Bản Kỳ Sơn		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3		4	5	6
-	Xây mới nhà văn hóa bản Kỳ Sơn	Bản Kỳ Sơn		x		
4	Xã Chiềng Sại					
-	Đường liên bản Co Muông - Suối Trắng - Nậm Lin - ngã ba trục Co Muông - Mồm Bò (bản Nà Dòn) (giai đoạn 2)	Co Muông - Suối Trắng - Nậm Lin - Nà Dòn		x		
5	Xã Hua Nhàn					
-	Nhà văn hóa bản xã Hồ Sen	xã Hồ Sen				
6	Xã Hang Chú					
-	Đổ bê tông đường trục chính bản Pa Cư Sáng đi Suối Lênh, Nậm Lộng (giai đoạn 2)	Hang Chú		x		
7	Xã Làng Chếu					
-	Đường bê tông từ khu 2 bản Háng Cao đến trung tâm xã	Bản Háng Cao		x		
8	Xã Chim Vàn					
-	Nhà văn hóa bản Suối Cải	Bản Suối Cải		x		
9	Xã Song Pe					
-	Nhà văn hóa bản Pe	Bản Pe		x		

48

CUONG BAC SOCIETY LA/Số 13 + 10/Ngày 31-07-2022

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
10	Xã Tà Xùa					
-	Nâng cấp đường từ công chào đi qua Trụ sở UBND xã đến bản Bẹ	Bản Bẹ	x			
-	Nâng cấp đường từ Tỉnh lộ 112 xuống Tà Xùa Hill vào khu Chung Chính	Bản Chung Chính	x			
11	Xã Háng Đồng					
-	Thủy lợi bản Chổng Tra, xã Háng Đồng (giai đoạn 2)	Bản Chổng Tra	x			
12	Xã Xím Vàng					
-	Thủy lợi Phình Hồ - Háng Là	Bản Phình Hồ	x			
13	Xã Tà Khoa					
-	Nhà văn hóa bản Tân Tiến	Bản Tân Tiến	x			
14	Xã Mường Khoa					
-	Nhà văn hóa bản Pa Nó	Xã Mường Khoa		x		
-	Nâng cấp đường nội bản xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa	x			
15	Xã Phiêng Ban					
-	Sửa chữa nhà văn hóa bản Bụa A thành Nhà văn hóa bản Phiêng Ban	Bản Phiêng Ban		x		
-	Đường bê tông vào nhóm hộ Móng bản Cao Đa 2	Bản Cao Đa 2		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3		4	5	6
-	Nâng cấp đường nội bản xã Phiêng Ban	Bản Phiêng Ban		x		
XII	HUYỆN SÔNG MÃ		29.174	28.331	843	
1	Xã Mường Lầm					
-	Đường nội bản bản Sàng xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x		
-	Đường nội bản bản Mường Tợ xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x		
-	Đường nội bản bản Lầu xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x		
-	Đường nội bản bản Mường Nưa xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x		
-	Đường nội bản bản Mường Cang xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm		x		
2	Xã Nà Nghị					
-	Đường liên bản từ nhà ông Hưng đến nhà ông Toàn bản Nà Hin, xã Nà Nghị	Xã Nà Nghị		x		
3	Xã Pú Bấu					
-	Nâng cấp đường giao thông từ trụ sở UBND xã cũ đến trường Tiểu học và trường THCS Pú Bấu	Xã Pú Bấu		x		
4	Xã Chiềng En					
-	Đường nội bản từ nhà ông Quán - Nhà ông Đình, bản Lung	Xã Chiềng En		x		
-	Nhà văn hóa bản Ten, xã Chiềng En	Xã Chiềng En		x		

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
5	Xã Chiềng Khoong					
-	Đường giao thông nội bản bản Púng Kiềng, xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	x			
-	Nhà văn hóa bản Xi Lô, xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	x			
6	Xã Mường Cai					
-	Đường giao thông từ Ngã ba đường đi Co Phường đến Trụ sở UBND xã	Xã Mường Cai	x			
-	Nhà văn hóa bản Sài Khao, xã Mường Cai	Xã Mường Cai	x			
7	Xã Chiềng Khương					
-	Đường giao thông nội bản bản Là, xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương		x		
-	Đường giao thông nội bản bản Ten Pạnh, xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương		x		
-	Nâng cấp đường giao thông từ QL 4G đến Trụ sở UBND xã Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương		x		
8	Xã Bó Sinh					
-	Nâng cấp thủy lợi Phai Na Phổng bản Phổng, xã Bó Sinh	Xã Bó Sinh	x			
9	Xã Đứa Mòn					
-	Thủy lợi bản Huổi Pặt, xã Đứa Mòn	Xã Đứa Mòn	x			
-	Nhà văn hóa bản Púng Núa, xã Đứa Mòn	Xã Đứa Mòn	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
10	Xã Nậm Ty					
-	Thủy lợi Huổi Xẻ bản Xẻ, xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	x			
-	Nhà văn hóa bản Phiêng Đìn, xã Nậm Ty	Xã Nậm Ty	x			
11	Xã Yên Hưng					
-	Nhà văn hóa bản Lẹ, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng	x			
-	Nhà văn hóa bản Nà Dĩa, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng	x			
-	Nhà văn hóa bản Huổi, xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng	x			
12	Xã Mường Hung					
-	Nhà Văn hóa bản Phiêng Hoi - bản Lúa;, xã Mường Hung	Xã Mường Hung	x			
-	Nhà Văn hóa bản Bua Hìn, xã Mường Hung	Xã Mường Hung	x			
-	Nhà Văn hóa bản Kéo Co, xã Mường Hung	Xã Mường Hung	x			
13	Xã Chiềng Cang					
-	Nhà văn hóa bản Nà Hỳ, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang	x			
-	Nhà văn hóa bản Bó Lạ, xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang	x			

STT	Tiêu chí, danh mục dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Kế hoạch năm 2021 chuyển sang năm 2022	Kế hoạch năm 2022	
1	2	3	4	5	6	
14	Xã Mường Sai					
-	Nhà văn hóa bản Tân Hống, xã Mường Sai	Xã Mường Sai	x			
-	Nhà văn hóa bản Nà Un Trong, xã Mường Sai	Xã Mường Sai	x			
15	Xã Chiềng Phung					
-	Nhà văn hóa bản Huổi Tư, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung	x			
-	Nhà văn hóa bản Pịn, xã Chiềng Phung	Xã Chiềng Phung	x			
16	Xã Nậm Mẩn					
-	Đường giao thông từ UBND xã đến bản Chạy Cang, xã Nậm Mẩn	Xã Nậm Mẩn	x			
-	Nhà văn hóa bản Nậm Mẩn, xã Nậm Mẩn	Xã Nậm Mẩn	x			
17	Xã Huổi Một					
-	Nhà văn hoá bản Co Mạ, xã Huổi Một	Xã Huổi Một	x			
-	Nhà văn hoá bản Huổi Pản, xã Huổi Một	Xã Huổi Một	x			
18	Xã Chiềng Sơ					
-	Nhà văn hóa bản Thảng Lợi, xã Chiềng Sơ	Xã Chiềng Sơ		x		

Biểu số 3.2

**KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỐI ỨNG
NSDP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**
(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 15 + 16/Ngày 31-07-2022

STT	Nội dung/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó		
			Nguồn Ngân sách trung ương	Đối ứng nguồn NSDP	
	Tổng số	62.540	31.270	31.270	
A	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	23.901	10.790	13.111	
1	Nội dung thành phần số 2	997	997		
	Sở Thông tin và Truyền thông	997	997		
-	Thiết lập mới đài tuyên thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn; xã Nà Mường, huyện Mộc Châu và xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai.	997	997		
2	Nội dung thành phần số 3	19.067	5.956	13.111	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19.067	5.956	13.111	
-	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	5.056	5.056		
-	Kinh phí thực hiện 7 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với tiêu thụ sản phẩm (quy mô liên huyện)	13.111		13.111	
-	Quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói	500	500		
-	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	400	400		
3	Nội dung thành phần số 6	100	100		
	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	100	100		

153

54

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 13 + 16/Ngày 31-07-2022

STT	Nội dung/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó		
			Nguồn Ngân sách trung ương	Đối ứng nguồn NSDP	
-	Tổ chức Ngày hội Văn hóa - Thể thao tại các xã phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2022	100	100		
4	Nội dung thành phần số 7	450	450		
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	450	450		
-	Thu thập số liệu Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn	450	450		
5	Nội dung thành phần số 9	103	103		
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ	24	24		
-	Hội Cựu chiến binh	24	24		
-	Hội Nông dân	31	31		
-	Tỉnh đoàn Sơn La	24	24		
6	Nội dung thành phần số 11	3.184	3.184		
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.254	2.254		
-	Kinh phí quản lý Chương trình (cấp tỉnh)	1.244	1.244		
-	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới	704	704		
-	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới	210	210		
-	Bảo dưỡng, sửa chữa, in và lắp dựng lại biển pano truyền thông đã bị rách	96	96		
-	Liên minh HTX tỉnh	717	717		
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	50	50		
-	Sở Tư pháp	40	40		

STT	Nội dung/Đơn vị thực hiện	Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó		
			Nguồn Ngân sách trung ương	Đối ứng nguồn NSDP	
-	Cục Thống kê	16	16		
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	17	17		
-	Sở Công thương	20	20		
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20	20		
-	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	50	50		
B	Huyện, thành phố	38.639	20.480	18.159	
1	Huyện Bắc Yên		344		
2	Huyện Phù Yên		2.410		
3	Huyện Mộc Châu		3.786		
4	Huyện Vân Hồ		516		
5	Huyện Yên Châu		689		
6	Huyện Mai Sơn		3.958		
7	Huyện Sông Mã		344		
8	Huyện Sốp Cộp		344		
9	Huyện Thuận Châu		2.065		
10	Huyện Quỳnh Nhai		4.647		
11	Huyện Mường La		516		
12	Thành phố Sơn La		861		

Số: 89/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tuyến đường
Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 09 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 456/QĐ-TTg ngày 14 tháng
4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc dừng triển khai Dự án đầu tư xây
dựng tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (tỉnh Sơn La) theo phương thức đối
tác công tư; Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ thông báo dự kiến vốn ngân sách nhà nước kế hoạch đầu tư
công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND
tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 265/BC-KTNS ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ban
Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tuyến đường Hòa
Bình- Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La. Cụ thể như sau:

1. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh

- Ngân sách Trung ương: 1.800 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 1.990 tỷ đồng (trong đó: 1.507 tỷ đồng theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; 483 tỷ đồng bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030).

2. Nội dung khác sau điều chỉnh

Để đảm bảo thuận tiện, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhất là đối với việc bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, phân chia dự án thành các dự án thành phần vận hành độc lập, như sau:

- Dự án bồi thường, GPMB và tái định cư thuộc địa bàn huyện Vân Hồ, (sử dụng nguồn Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh).

- Dự án bồi thường, GPMB và tái định cư thuộc địa bàn huyện Mộc Châu (sử dụng nguồn Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh).

- Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (sử dụng nguồn Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh).

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định và quyết định các dự án thành phần thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Các nội dung còn lại: Giữ nguyên theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 10/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, Kỳ họp chuyên đề lần thứ bảy thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/CT-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 6 năm 2022

CHỈ THỊ

Phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, để phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự cần thiết, tính cấp bách của chuyển đổi số và trực tiếp tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh, đồng thời để tạo khí thế thi đua sôi nổi, thúc đẩy các tập thể, cá nhân phát huy tính chủ động, sáng tạo, trí tuệ tập thể từ đó đề xuất sáng kiến, giải pháp hữu ích góp phần vào công cuộc chuyển đổi số của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Chủ tịch UBND tỉnh phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

I. CHỦ ĐỀ THI ĐUA

“Sơn La quyết tâm thi đua hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025”.

II. NỘI DUNG THI ĐUA

1. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh, cụ thể như sau:

a) Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó; 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền.

- Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được tạo

lập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu hoàn toàn dưới dạng điện tử trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Trên 50% các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- 100 % cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- Đầu tư xây dựng thí điểm mô hình đô thị thông minh tại thành phố Sơn La và huyện Mộc Châu.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phân đầu Kinh tế số chiếm khoảng 5 - 10% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động tốc độ cao (4G/5G) và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuyển đổi nhận thức về chuyển đổi số gắn với tuyên truyền các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của của tỉnh. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

3. Thi đua chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số mà trọng tâm là hạ tầng số, chuẩn hóa dữ liệu số, lưu trữ hồ sơ điện tử, tạo lập cơ sở dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, phát triển các nền tảng số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng,

thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao chỉ số xếp hạng của tỉnh về chuyển đổi số.

4. Thi đua chuyển đổi số trong quản lý các ngành, lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, công nghiệp, thương mại. Tăng cường số hóa cơ sở dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh; xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Sơn La thân thiện, văn minh và có trách nhiệm trên không gian mạng.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; xây dựng và triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

6. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách địa phương, ngân sách trung ương và nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

7. Đẩy mạnh triển khai phát triển cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử cho hộ gia đình, người dân; tuyên truyền, vận động, tổ chức các lớp bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ số cho người dân, hộ gia đình để từ đó thay đổi phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản.

8. Phát động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nhân, trí thức thi đua có nhiều sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện, kiểm tra, hướng dẫn về chuyển đổi số và phát triển sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, internet và không gian mạng; có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, vật chất, sáng kiến vào chuyển đổi số.

III. THỜI GIAN THI ĐUA

1. Thời gian: Từ ngày phát động thi đua đến hết tháng 12 năm 2025.

2. Tổng kết phong trào thi đua: trong tháng 3 năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các cấp, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai các phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, kế hoạch của cơ quan, đơn vị; xác định, phân đấu hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số của tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết thúc đợt thi đua bình xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội vận động đoàn viên, hội viên tích cực nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, lựa chọn đảm nhận những nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của đoàn viên, hội viên trong việc thực hiện chuyển đổi số; gắn với các phong trào, các cuộc vận động khác do tổ chức chính trị - xã hội đang triển khai thực hiện, tạo động lực mới cho việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước.

3. Các doanh nghiệp bưu chính viễn thông, các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số xây dựng kế hoạch thực hiện, chủ động, tiên phong thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn an ninh mạng, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chỉ thị này theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu tổng kết phong trào thi đua, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, khen thưởng.

5. Giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi việc tổ chức, triển khai phong trào thi đua, xây dựng hướng dẫn khen thưởng, thẩm định thành tích và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, khen thưởng.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT TW;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Ban TĐKT TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Các đơn vị tham gia cụm, khối thi đua của tỉnh;
- Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, NC, Hương (3b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com